

Số: **1359** /TEDI-CBTT

Hà Nội, ngày **15** tháng 5 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CỦA DOANH NGHIỆP**

**V/v họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Quý cổ đông và các Nhà đầu tư

- Tên giao dịch: Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải-CTCP
- Địa chỉ liên lạc: 278 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, TP Hà Nội
- Điện thoại: (84-4).38514431. Fax: (84-4).38514980. Email: [tedi.ctdc@gmail.com](mailto:tedi.ctdc@gmail.com).
- Website: [www.tedi.vn](http://www.tedi.vn)
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Công Tâm.
- Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Lao động.
- Loại thông tin công bố:  24h;  72h;  Yêu cầu;  Bất thường;  Định kỳ

**Nội dung công bố thông tin:**

Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, kèm theo tài liệu họp bao gồm:

1. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
2. Quy chế làm việc của Đại hội;
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
4. Tờ trình của Hội đồng quản trị đề nghị ĐHĐCĐ thông qua các nội dung;
5. Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
6. Tờ trình của Ban kiểm soát đề nghị ĐHĐCĐ thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
7. Tờ trình của BKS lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;
8. Dự thảo Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
9. Mẫu Giấy xác nhận hoặc ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ;
10. Mẫu thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết;
11. Báo cáo tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán độc lập.
12. Dự thảo các tài liệu: Điều lệ tổ chức & hoạt động sửa đổi lần thứ Ba; Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi lần thứ Nhất; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS (b/c);
- TGD (b/c)
- Website TCT;
- Lưu Tổ CBTT./.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**

  
Nguyễn Công Tâm

Số: 1336/TB-TEDI

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2021

**THÔNG BÁO MỜI HỌP**  
**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

**Kính gửi: Quý cổ đông Tổng công ty TVTK GTVT - CTCP**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

Trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP, cụ thể như sau:

- 1. Thời gian:** 8h00 thứ Bảy, ngày **05/6/2021**.
- 2. Địa điểm:** Nhà Văn hóa thể thao, Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP, số 278 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, TP Hà Nội.
- 3. Nội dung Đại hội:** Chương trình chi tiết kèm theo
- 4. Tài liệu trình Đại hội:** Các tài liệu liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được đăng tải tại Website của Tổng công ty [www.tedi.vn](http://www.tedi.vn).
- 5. Thành phần tham dự:**

Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông là các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

Những cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự (theo Mẫu đính kèm). Người nhận ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.

- 6. Thời gian lập danh sách cổ đông tham dự Đại hội: ngày 11/5/2021.**

- 7. Đăng ký tham dự Đại hội:**

7.1 Để việc tổ chức Đại hội thành công tốt đẹp và tạo điều kiện thuận lợi cho việc đón tiếp, kính đề nghị Quý cổ đông xác nhận việc tham dự/ủy quyền tham dự qua thư tín, fax trước **17h00 ngày 02/6/2021** theo địa chỉ:

Phòng Tổ chức cán bộ - Lao động, Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP, số 278 Tôn Đức Thắng – Hàng Bột – Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: 024. 38519567 Fax: 024.38514980

Email: [hoidongquantritedi@gmail.com](mailto:hoidongquantritedi@gmail.com)

Mọi chi tiết xin liên hệ với ông Võ Hoàng Hà - Phòng Tổ chức cán bộ - Lao động, điện thoại 0438519567; di động: 0949521666.



7.2 Trường hợp không thể tham dự họp trực tiếp, Quý cổ đông có thể ủy quyền dự họp cho Ban tổ chức đã thống nhất nhận ủy quyền dự họp, cụ thể:

- 1) Ông Nguyễn Công Tâm: CMND số: 013177273 cấp ngày 28/03/2009, Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội, Mã cổ đông: TEDI381
- 2) Ông Võ Hoàng Hà: CMND số: 011230039 cấp ngày 09/02/2012, Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội, Mã cổ đông: TEDI135

7.3 Quý cổ đông sẽ chịu mọi chi phí đi lại, ăn ở trong thời gian diễn ra Đại hội.

7.4 Khi đến tham dự Đại hội, đề nghị Quý cổ đông/người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ sau: Giấy mời họp, giấy tờ tùy thân (CMND, Hộ chiếu, v.v...), giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền dự họp), bản sao CMND của người được ủy quyền để làm thủ tục tham dự Đại hội.

Cổ đông có thể góp ý về các tài liệu của ĐHCĐ bằng văn bản hoặc trực tiếp tại Đại hội.

7.5 Các cổ đông chấp hành các qui định của Chính phủ trong thời gian đất nước đang có dịch Covid-19 đảm bảo phòng, chống dịch bệnh. Trong trường hợp Nhà nước quyết định không được tổ chức họp đông người, Tổng công ty sẽ thông báo tới Quý Cổ đông hình thức họp phù hợp, đảm bảo tuân thủ quy định.

Sự hiện diện của Quý cổ đông sẽ góp phần vào sự thành công của Đại hội.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS (*thay giấy mời*);
- Website TEDI.vn;
- Ban Điều hành (th/h);
- Ban tổ chức, Ban KTTCCĐ (th/h);
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Hitoshi YAHAGI**



## CHƯƠNG TRÌNH

### HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP

Thời gian: 1/2 ngày, thứ Bảy, ngày 05/6/2021

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
8h00-8h30	- Đón tiếp khách mời, đại biểu, cổ đông - Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông có mặt	Ban tổ chức và Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
8h30-8h45	- Chào cờ; - Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; - Giới thiệu Đoàn chủ tọa, Ban kiểm tra tư cách cổ đông.	Ban tổ chức
8h45-8h50	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
8h50-9h00	Khai mạc Đại hội	Chủ tọa Đại hội
9h00-9h10	- Thông qua Ban Thư ký Đại hội; - Thông qua Chương trình Đại hội; - Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội; - Bầu Ban kiểm phiếu.	Đoàn Chủ tọa
9h10-9h40	- Báo cáo của Hội đồng quản trị; - Tờ trình của HĐQT về các nội dung đề nghị biểu quyết thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.	Đoàn Chủ tọa
9h40-9h50	- Báo cáo của Ban kiểm soát; - Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2020. - Tờ trình thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của BKS	Trưởng Ban kiểm soát
9h50-10h20	Đại hội thảo luận và bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung: 1) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; 2) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát; 3) BCTC năm 2020 đã được kiểm toán độc lập; 4) Phương án PPLNST năm 2020; 5) Quyết toán thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2020; 6) Kế hoạch SXKD năm 2021; 7) Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021; 8) Dự toán thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2021; 9) Danh sách công ty kiểm toán BCTC năm 2021; 10) Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi lần thứ Ba; 11) Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi lần Nhất; 12) Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; 13) Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; 14) Thực hiện nghĩa vụ đăng ký lưu ký và giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán Upcom; 15) Hủy bỏ hạn chế thời gian chuyển nhượng đối với cổ phần ưu đãi bán cho người lao động theo số năm cam kết làm việc tại thời điểm cổ phần hóa.	Đoàn chủ tọa và Ban kiểm phiếu
10h30-11h00	Nghỉ giải lao	
11h00-11h10	Công bố kết quả kiểm phiếu các nội dung biểu quyết tại Đại hội;	Trưởng Ban kiểm phiếu
11h10-11h20	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội	Ban thư ký
11h20-11h30	Bế mạc Đại hội	Đoàn chủ tọa

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

**GIẤY XÁC NHẬN HOẶC ỦY QUYỀN**

**Dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**  
**của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP**

Kính gửi: Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP

Tên pháp nhân/thể nhân: .....  
Người đại diện (nếu là pháp nhân): .....  
CMND/ĐKKD số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ: .....  
Hiện đang sở hữu: .....(Bằng chữ:.....)

**Xin xác nhận sẽ đến tham dự ĐHCĐ:**

**Hoặc đồng ý ủy quyền cho người khác:**

Người được ủy quyền: .....  
CMND/CCCD số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....  
Số cổ phần ủy quyền:.....

Được đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ tại Đại hội tương ứng với số cổ phần đã ủy quyền. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật.

Ghi chú:

- Cổ đông chỉ được đánh dấu X vào một trong hai ô vuông để xác nhận tham dự hoặc ủy quyền cho người khác. Khi đánh X vào ô ủy quyền, đề nghị cổ đông điền đầy đủ thông tin người được ủy quyền;

- Cổ đông gửi giấy ủy quyền (nếu có) về Tổng Công ty **trước 17h00 ngày 02/6/2021** (nếu là bản fax thì phải nộp lại bản gốc cho Ban tổ chức khi đến tham dự Đại hội).

....., ngày ....tháng ... năm 2021

**Người nhận ủy quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Cổ đông xác nhận/ủy quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên,  
đóng dấu nếu có)

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP



TEDI



# TÀI LIỆU HỌP

## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

HÀ NỘI, THÁNG 6 NĂM 2021

**DANH MỤC TÀI LIỆU**  
**HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI – CTCP**

1. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
2. Quy chế làm việc của Đại hội;
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
4. Tờ trình của Hội đồng quản trị đề nghị ĐHĐCĐ thông qua các nội dung:
  - 1) Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của HĐQT;
  - 2) Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán độc lập;
  - 3) Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;
  - 4) Quyết toán thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020;
  - 5) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;
  - 6) Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021;
  - 7) Dự toán thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021;
  - 8) Sửa đổi bổ sung Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - 9) Thực hiện nghĩa vụ đăng ký lưu ký và giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán Upcom;
  - 10) Hủy bỏ hạn chế thời gian chuyển nhượng đối với cổ phần ưu đãi bán cho người lao động theo số năm cam kết làm việc tại thời điểm cổ phần hóa.
5. Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
6. Tờ trình của Ban kiểm soát đề nghị ĐHĐCĐ thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
7. Tờ trình của BKS lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;
8. Dự thảo Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
9. Mẫu Giấy xác nhận hoặc ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ;
10. Mẫu thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết;
11. Báo cáo tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán độc lập.
12. Dự thảo các tài liệu:
  - 1) Điều lệ tổ chức & hoạt động sửa đổi lần thứ Ba;
  - 2) Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi lần thứ Nhất;
  - 3) Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - 4) Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Số: ..... QC/TEDI-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2021

**Dự thảo**

## **QUY CHẾ LÀM VIỆC** **CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

### **CHƯƠNG I** **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1: Phạm vi áp dụng**

Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty).

**Điều 2:** Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

**Điều 3:** Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

### **CHƯƠNG II** **ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI**

#### **Điều 4: Điều kiện tham dự Đại hội**

Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

### **CHƯƠNG III** **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN** **THAM GIA ĐẠI HỘI**

#### **Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền**

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền được quyền tham dự Đại hội, được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác.

2. Tại Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự cuộc họp Đại hội phải mang theo Chứng minh nhân dân (hoặc giấy tờ tùy thân khác có khả năng chứng minh), Giấy mời, Giấy ủy quyền (nếu có), nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết (ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết).

3. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền phải tuân thủ các quy định tại Quy chế này, sự điều khiển của Chủ tọa và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.



- Trong quá trình diễn ra Đại hội, cổ đông khi ra ngoài hội trường phải xin phép và được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội.
  - Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
  - Các cổ đông phải giữ bí mật, kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Chủ tọa Đại hội cho phép.
  - Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.
5. Phát biểu ý kiến trong Đại hội: Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Chủ tọa Đại hội (qua Thư ký Đại hội). Khi phát biểu hoặc cần tranh luận thì giơ tay. Chỉ khi được Chủ tọa Đại hội nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 5 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

**Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông**

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị Tổng Công ty quyết định.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:
  - Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp: Kiểm tra Chứng minh nhân dân (hoặc giấy tờ tùy thân khác có khả năng chứng minh), Giấy mời, Giấy ủy quyền (nếu có).
  - Phát tài liệu họp (nếu có) cho cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của các cổ đông.
  - Lập và báo cáo trước Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

**Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tọa và Ban thư ký**

1. Chủ tọa và thành viên Đoàn chủ tọa gồm 3 người: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc và 01 thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội. Đoàn chủ tọa có chức năng điều khiển Đại hội.
2. Quyết định của Đoàn Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất. Đoàn Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự và phản ánh được nguyện vọng của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội; Hướng dẫn các cổ đông thực hiện Chương trình Đại hội và thảo luận; Trình dự thảo luận, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết; Giải đáp các vấn đề do Đại hội đồng cổ đông yêu cầu.
3. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Đoàn Chủ tọa cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm hoặc địa điểm khác (phù hợp với quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Luật doanh nghiệp) nếu nhận thấy rằng:
  - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;
  - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
4. Thư ký Đại hội do Chủ tọa Đại hội giới thiệu, thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn Chủ tọa gồm: Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội; Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu; Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

### **Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu**

1. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
  - Hướng dẫn cách sử dụng Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết;
  - Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
  - Tổ chức kiểm phiếu;
  - Lập Biên bản kiểm phiếu;
  - Gửi lại Biên bản và toàn bộ Phiếu biểu quyết cho Chủ tọa Đại hội.

## **CHƯƠNG IV TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

### **Điều 9: Điều kiện tiến hành Đại hội**

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm triệu tập Đại hội.

### **Điều 10: Cách thức tiến hành Đại hội**

1. Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày.
2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội.

### **Điều 11: Thông qua quyết định của Đại hội**

Các vấn đề được thông qua tại Đại hội khi có hơn năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.

### **Điều 12: Biên bản Đại hội**

Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Ban thư ký ghi vào Sổ biên bản. Biên bản Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ vào Sổ biên bản theo quy định.

## **CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 13:** Quy chế này gồm 5 chương, 13 điều, được thông qua ngày 05 tháng 6 năm 2021 và có hiệu lực kể từ khi được Đại hội thông qua.

#### **Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Ban tổ chức;
- Ban KTTTCD; Ban TK; Ban KP;
- Lưu HĐQT (TCCB-LĐ).

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Hitoshi YAHAGI**

Số: 1324 BC/TEDI-HĐQT

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2021

**BÁO CÁO HÀNG NĂM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021  
Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021  
Phiên họp lần thứ Ba, Nhiệm kỳ II (2019-2024)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ Tổ chức & Hoạt động của Tổng công ty TVTK GTVT - CTCP (TEDI) và các quy định pháp luật liên quan, Hội đồng quản trị Tổng công ty trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

**PHẦN I**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020**

**1. Tình hình chung**

Vượt lên khó khăn thách thức của dịch bệnh COVID-19 và những biến đổi khí hậu khắc nghiệt trong năm 2020, Việt Nam nổi lên như một điểm sáng trên thế giới với mức tăng trưởng kinh tế dương trong khi đa số các nền kinh tế lớn bị tăng trưởng âm.

Năm 2020, ngành giao thông đã có nhiều thành tựu nổi bật được xã hội và người dân ghi nhận. Về hệ thống kết cấu hạ tầng, nhiều công trình giao thông lớn, hiện đại đã và đang từng bước được đầu tư xây dựng. Trong năm 2020, Bộ GTVT đã hoàn thành đưa vào khai thác 21 công trình, dự án và hoàn tất thủ tục, triển khai thi công 19 công trình dự án mới.

Tổng công ty TVTK GTVT - CTCP (TEDI) về đích thắng lợi với các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính đều hoàn thành vượt mức kế hoạch, khẳng định vai trò tư vấn đa ngành hàng đầu trong lĩnh vực hạ tầng giao thông vận tải Việt Nam: Đường bộ - đường sắt - đường thủy - hàng không - giao thông đô thị. Thương hiệu TEDI tiếp tục được khẳng định với nhiều công trình đạt Giải thưởng chất lượng thiết kế của Bộ Xây dựng, Hiệp hội xây dựng Việt Nam VECAS. Nhân hiệu TEDI và logo TEDI đã được bình chọn thuộc Top 20 Nhân hiệu hàng đầu Việt Nam và dịch vụ Tư vấn thiết kế, giám sát công trình giao thông của TEDI cũng lọt vào Top 20 Dịch vụ Vàng Việt Nam năm 2020. Liên tục 3 năm 2018-2020, TEDI đạt danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động”.

**2. Nhân sự Hội đồng quản trị:**

Năm (05) thành viên HĐQT nhiệm kỳ II (2019-2024) không thay đổi trong năm 2020, cụ thể gồm:

- Ông Hitoshi YAHAGI - Chủ tịch HĐQT
- Ông Phạm Hữu Sơn - Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc
- Ông Đỗ Minh Dũng - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
- Ông Đào Ngọc Vinh - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
- Ông Phùng Tiến Trung - Thành viên HĐQT

### **3. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị:**

#### **3.1. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:**

- Ngày 15/05/2020 tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- + Biên bản họp, Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được công bố thông tin trong vòng 24h theo quy định.
- + HĐQT đã nghiêm túc triển khai và hoàn thành Nghị quyết ĐHĐCĐ số 07 NQ/TEDI-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2020.
- Ngày 17/12/2020, tại Tờ trình số 3880 TTr./TEDI-HĐQT, Hội đồng quản trị tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ về việc bổ sung ngành nghề giáo dục, gồm: Mã ngành 8531 - Đào tạo sơ cấp và Mã ngành 8559 - Giáo dục khác chưa phân vào đâu.
- + Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được công bố thông tin trong vòng 24h theo quy định.
- + Ngày 29/01/2021, Sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội đã cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp về bổ sung ngành nghề kinh doanh giáo dục.

#### **3.2. Nghị quyết của HĐQT**

- Trong năm 2020, HĐQT tổ chức được 04 phiên họp thường kỳ để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự tham gia của Trưởng Ban kiểm soát. Các cuộc họp được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy chế liên quan; các nội dung biểu quyết đều đạt được sự đồng thuận cao.
- Để xem xét và giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa hai phiên họp, HĐQT đã tổ chức 18 lần lấy ý kiến bằng văn bản thành viên HĐQT. Việc tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT và ban hành Nghị quyết HĐQT đảm bảo thực hiện theo quy định tại khoản 16, Điều 36, Điều lệ Tổng công ty.
- Trong năm 2020 HĐQT đã ban hành 22 nghị quyết thuộc thẩm quyền theo quy định.

#### **3.3. Các quyết định của HĐQT:**

Hội đồng quản trị đã ban hành các quyết định, văn bản thuộc thẩm quyền trong năm đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

- Về công tác SXKD: Phê duyệt kế hoạch SXKD chi tiết triển khai; Chỉ đạo NĐDPV các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ và triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cũng như yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

- Về quản trị doanh nghiệp: Thông qua các đề án tái cơ cấu công ty con, đề án phát triển ngành nghề và các dự án xây dựng cơ bản; Ban hành Quy chế Thi đua - Khen thưởng và cấp nhật, bổ sung Quy chế Tiền lương - Tiền thưởng; phê duyệt nhân sự Người đại diện phần vốn, Kiểm soát viên; Đề cử nhân sự tham gia HĐQT, BKS các công ty con.

- Trong năm 2020. HĐQT đã ban hành 13 quyết định thuộc thẩm quyền theo quy định.

### **4. Hoạt động của thành viên HĐQT:**

Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt nhiệm vụ đã được phân công, giám sát, hỗ trợ hoạt động của Ban điều hành để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong điều hành SXKD, đặc biệt là công tác phát triển thị trường, tìm kiếm nguồn công việc; tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT.

Các thành viên HĐQT được cử làm Người đại diện phần vốn tại các công ty con đã kịp thời truyền đạt các chủ trương, định hướng, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Tổng công ty để biểu quyết và triển khai thực hiện tại các công ty con.

## **5. Đánh giá thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ**

Trong năm 2020, HĐQT đã triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 07 NQ/TEDI -ĐHĐCĐ ngày 15/05/2020 của Đại hội đồng cổ đông.

### **5.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2020:**

Năm 2020, Tổng công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Tổng giá trị tài sản là 886,846 tỷ đồng, bằng 110,9% kế hoạch, trong đó Công ty mẹ là 452,116 tỷ đồng, bằng 113% kế hoạch

- Tổng doanh thu hợp nhất đạt 868,989 tỷ đồng, bằng 108,6% kế hoạch, trong đó Công ty mẹ đạt 380,720 tỷ đồng, đạt 105,8% kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 53,074 tỷ đồng, bằng 101% kế hoạch, trong đó Công ty mẹ thực hiện 26,860 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 44,167 tỷ đồng, bằng 104,9% kế hoạch, trong đó Công ty mẹ thực hiện 23,427 tỷ đồng, đạt 105,8% kế hoạch.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 2.447 đồng, đạt 141,3% kế hoạch.

- Tổng mức đầu tư mua sắm tài sản cố định đạt 7,816 tỷ đồng, bằng 59,5% kế hoạch, trong đó Công ty mẹ đạt 4,220 tỷ đồng bằng 72,2% kế hoạch.

### **5.2. Phân phối lợi nhuận năm 2019**

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo đúng nội dung Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 07-NQ/TEDI-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2020, cụ thể: (i) Cổ tức: 18,750 tỷ đồng (15% vốn điều lệ); (ii) Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban QLĐH: 0,666 tỷ đồng; (iii) Quỹ khen thưởng phúc lợi: 2,220 tỷ đồng; (iv) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 0,567 tỷ đồng.

### **5.3. Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2020:**

Trong năm 2020, HĐQT đã chỉ đạo chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách theo nội dung Khoản 8 Điều 1 Nghị quyết 07-NQ/TEDI-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2020 số tiền là 1.043.712.000 đồng.

Theo kết quả SXKD năm 2020, số quyết toán là 1.059.648.000 đồng. Số còn phải trả sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt quyết toán là 15.935.000 đồng.

### **5.4. Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020:**

Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ về việc giao cho HĐQT Tổng công ty chọn đơn vị kiểm toán trong số 03 đơn vị kiểm toán đã được thông qua tại Khoản 9 Điều 1 Nghị quyết 07-NQ/TEDI-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2020, HĐQT đã quyết định chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài hợp nhất năm 2020 của Tổng công ty.

## **6. Công tác quản lý cổ đông:**

- Công tác quản lý cổ đông được thực hiện bằng phần mềm, tuân thủ Quy chế quản lý cổ đông của Tổng công ty. Tổng công ty đã hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng cho 42 cổ đông với tổng số 2.012.410 cổ phần, trong đó cổ đông FECON S&C đã chuyển nhượng 625.000 cổ phần (5% VDL) cho cổ đông Phạm Trung Thành.

- Cơ cấu cổ đông thời điểm 31/12/2020: Tổng số cổ đông là 330; cổ đông tổ chức là 4, sở hữu 3.768.500 cổ phần, chiếm 30,148% vốn điều lệ; cổ đông cá nhân là 326, sở hữu 8.731.500 cổ phần, chiếm 69,852% vốn điều lệ.

- Danh sách cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% vốn điều lệ): 03 cổ đông, gồm OCG (2.532.750 CP – 20,262% VDL); Ông Phạm Hữu Sơn (1.062.350CP – 8,499% VDL); Ông Phạm Trung Thành (3.220.300CP – 25,762% VDL)

## **7. Công tác giám sát hoạt động của Ban Điều hành, Người ĐDPV:**

### **7.1 Hoạt động giám sát của HĐQT**

HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động của Ban điều hành Tổng công ty; Người Đại diện phần vốn, Kiểm soát viên của Tổng công ty tại các công ty con và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Tổng công ty được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của HĐQT; tiếp nhận thường xuyên và đầy đủ báo cáo của Tổng giám đốc.

Kết quả giám sát của HĐQT được thể hiện qua kết quả đánh giá xếp loại doanh nghiệp và mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 của Ban điều hành Tổng công ty và Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con.

### **7.2 Đánh giá hoạt động của Ban điều hành, NĐDPV**

Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp của Tổng công ty cùng Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con đã triển khai và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định và chỉ đạo của HĐQT Tổng công ty trong năm 2020.

Ban điều hành Tổng công ty đã có nhiều cố gắng trong công tác điều hành, hoàn thành vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Người đại diện phần vốn đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị công ty con chỉ đạo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán độc lập, báo cáo của Tổng giám đốc về công tác giám sát tài chính, đánh giá xếp loại doanh nghiệp và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 của Ban điều hành Tổng công ty và Người đại diện phần vốn của Tổng công ty, Hội đồng quản trị thống nhất đánh giá như sau:

#### **a) Công tác phát triển thị trường, sản phẩm:**

Tổng Công ty tiếp tục khẳng định vai trò tư vấn hàng đầu đa ngành hạ tầng GTVT của Việt Nam:

- Về lĩnh vực hàng không: Tham gia tư vấn KS, lập TK BVTC, dự toán Dự án cải tạo nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn sân bay Quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất và Lập BC NCKT sân bay Đồng Hới (Quảng Bình);

- Về lĩnh vực đường sắt và đường sắt đô thị: Tham gia bước BVTC của 03 dự án thuộc dự án cải tạo nâng cấp đường sắt Hà Nội -TP HCM; Lập BC NCKT Tuyến Đường sắt đô thị số 5, TP.HCM.

- Là đơn vị tư vấn duy nhất tham gia lập quy hoạch ngành quốc gia về kết cấu hạ tầng đầy đủ 5 lĩnh vực.

- Trong lĩnh vực hợp tác với các tư vấn nước ngoài, TEDI được Liên danh Công ty thương mại Dầu khí Lào và Công ty CP Tập đoàn đầu tư HT Việt Nam lựa chọn là Tư vấn thực hiện khảo sát, lập BCNCKT, BCNCKT dự án đường sắt Mụ Giạ Vũng Áng với giá trị hợp đồng là 35 tỷ đồng. Công ty Mẹ triển khai liên danh với một số nhà thầu tư vấn nước ngoài tham gia dự thầu gói thầu TVGS Tiểu dự án đô thị Tỉnh Gia Thanh Hóa (vốn WB), gói thầu hỗ trợ kỹ thuật tuyến tránh Long Xuyên (vốn ADB). Đặc biệt, lần đầu tiên TEDI tham gia dự thầu gói thầu tư vấn giám sát tại thị trường mới tại Quốc đảo Solomon (liên danh với tư vấn Katahira).

*b) Công tác đấu thầu:*

Toàn Tổng công ty tham gia dự thầu 404 gói thầu (không bao gồm hồ sơ quan tâm, chào giá và chỉ định thầu rút gọn), trong đó bao gồm 112 gói theo hình thức chỉ định thầu (chiếm 28%), 292 gói theo hình thức đấu thầu cạnh tranh (chiếm 72%). Trong hình thức đấu thầu cạnh tranh, tỷ lệ trúng thầu đạt 80%, trượt thầu 16%, đang đợi kết quả 4%. Năm 2020 đã ghi nhận con số vượt bậc đối với đấu thầu qua mạng so với tổng gói thầu (Toàn Tổng Công ty tỷ lệ 53%, Công ty Mẹ là 55%).

Đối với Công ty mẹ, tổng số gói thầu dự thầu là 54 gói, chỉ định thầu 02 gói, 52 gói theo hình thức đấu thầu cạnh tranh. Trong hình thức đấu thầu cạnh tranh, tỷ lệ trúng thầu đạt 92%, trượt thầu 4%, đang đợi kết quả 4%. Số lượng gói thầu theo hình thức liên danh liên kết tăng đáng kể, chiếm gần 50% tổng số gói thầu dự thầu, trong đó Công ty mẹ liên danh với các Công ty con tham gia dự thầu thành công 05 gói thầu.

Các giao dịch giữa TEDI với người có liên quan của Người nội bộ TEDI và các giao dịch giữa TEDI với các công ty con đã được trình phê duyệt và thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Tổng hợp nội dung giao dịch với bên liên quan được thể hiện trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 và được công bố thông tin trên Website của TEDI ([www.tedi.vn](http://www.tedi.vn)).

*c) Công tác ký kết hợp đồng:*

Toàn Tổng công ty đã ký kết được trên 449 hợp đồng và phụ lục hợp đồng với giá trị khoảng 1.036 tỷ đồng. Bên cạnh các ngành nghề truyền thống, các đơn vị đã bước đầu khai thác một số lĩnh vực có nhiều khởi sắc như: KS, TK, TVGS hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị, khu công nghiệp (TECCO2 và RECO); Hàng không (Công ty Mẹ); ngành nông nghiệp (cảng cá và khu tránh trú bão), ngành thủy lợi (đê, kè) (TEDIPORT); ngành năng lượng (điện gió: TEDIPORT, điện mặt trời: APECO); Đường sắt đô thị (RECO, Công ty Mẹ, APECO).

Ngành Cầu - Đường bộ chiếm 51% và nguồn vốn ngân sách (Bộ GTVT - Sở GTVT) chiếm 71,6% giá trị hợp đồng ký kết.

*Đánh giá: Ban lãnh đạo điều hành Tổng công ty và các công ty con cùng các phòng quản lý chức năng đã chủ động, linh hoạt trong công tác tiếp thị, phát triển thị trường với mục tiêu duy trì và phát triển thị trường truyền thống của Tổng công ty, tận dụng cơ hội phát triển thị trường mới, nhiều tiềm năng. Do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 nên giá trị hợp đồng ký kết năm 2020 có thấp hơn so với năm 2019.*

*d) Thực hiện giá trị sản lượng:*

Sản lượng thực hiện năm 2020 đạt 908 tỷ đồng, bằng 101% kế hoạch năm 2020, trong đó Công ty mẹ đạt 426 tỷ, bằng 102% kế hoạch. Cơ cấu theo ngành nghề: Đường bộ: 54,6%; Đường sắt – GTĐT: 15,2%; Cảng – đường thủy: 6,8%; Tư vấn giám sát: 17,3%; ngành khác: 6,1%.

*e) Thu kinh phí:*

Thu kinh phí toàn Tổng công ty đạt 952 tỷ đồng, bằng 119% kế hoạch năm 2020, Công ty mẹ đạt 415 tỷ, bằng 104% kế hoạch. Cơ cấu thu kinh phí: Nguồn vốn NSNN chiếm tỷ trọng 58,8% (Bộ GTVT: 27,1%, Sở GTVT: 31,7%); nguồn vốn ODA thấp, chiếm 5,2%; nguồn vốn từ Nhà đầu tư (BOT, BT, ...) chiếm 17,1%; nguồn vốn khác chiếm 18,9%.

*f) Tình hình thực hiện doanh thu:*

Doanh thu của Tổng công ty đạt 869 tỷ đồng, bằng 109% kế hoạch, trong đó Công ty mẹ đạt 381 tỷ, bằng 106% kế hoạch. Hầu hết các công ty con hoàn thành tốt mục tiêu về tăng trưởng doanh thu trừ TEDI-GIC chỉ đạt 51% kế hoạch. NDDPV tại

TEDI-GIC cần phối hợp chặt chẽ với HĐQT chỉ đạo đơn vị có giải pháp cụ thể về phát triển thị trường, tìm kiếm công việc và nghiệm thu thanh toán trong nhiệm kỳ tới.

g) *Quản lý, sử dụng vốn - tài sản:*

**\* Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:**

Thời điểm 31/12/2020, huy động vốn của Tổng công ty là khoản tiền vay ngắn hạn 22,783 tỷ đồng đảm bảo vốn lưu động triển khai công tác SXKD. Ngoài ra còn có khoản vay dài hạn 1,083 tỷ đồng để đầu tư mua sắm tài sản cố định.

**\* Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp**

- Tổng giá trị đầu tư vào 10 công ty con thời điểm 31/12/2020 là 58,6 tỷ đồng. Doanh thu tài chính năm 2020 từ cổ tức và lợi nhuận được chia của các công ty con và công ty liên kết là 8,895 tỷ đồng, đạt 15,2% vốn đầu tư.

- Các khoản đầu tư ngoài ngành: Tổng công ty không đầu tư ngoài ngành, chỉ thực hiện ủy thác ngân hàng đầu tư tài chính ngắn hạn kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng. Số dư đến thời điểm 31/12/2020 là 42,913 tỷ đồng, trong đó của Công ty mẹ là 25 tỷ đồng.

**\* Tình hình đầu tư, sử dụng tài sản cố định**

- Trong năm 2020, Tổng công ty đã thực hiện đầu tư XDCB, mua sắm tài sản cố định với tổng mức đầu tư là 7,816 tỷ đồng, đạt 59% kế hoạch; Công ty mẹ là 4,220 tỷ đồng, đạt 72% kế hoạch. Nguồn vốn đầu tư chủ yếu là nguồn vốn trong thanh toán của doanh nghiệp.

- Công ty mẹ đầu tư 4,220 tỷ đồng TSCĐ, trong đó có một số hạng mục lớn như thiết bị bay, địa chấn trang bị cho Trung tâm SLCB (3,3 tỷ đồng); phần mềm thiết kế hạ tầng trang bị cho TT KCCT (960 triệu) và hệ thống IT giai đoạn 1 của Tổng Công ty

- Tài sản mua sắm trong năm đã được sử dụng có hiệu quả cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản chủ yếu là nâng cấp trụ sở, đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.

- Việc trích khấu hao tài sản, thanh lý tài sản được thực hiện theo đúng Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 24/5/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý tài sản cố định. Tổng nguyên giá các tài sản cố định đã thanh lý trong năm 2020 là 2,173 tỷ đồng. Tổng chi phí khấu hao năm 2020 là 11,054 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ là 5,229 tỷ đồng, chiếm 47,3%.

- Về quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất: Cơ sở vật chất gắn liền với đất được sử dụng hiệu quả. Doanh thu từ cho thuê trụ sở năm 2020 là 11,595 tỷ đồng, giảm 5% so với năm 2019 do ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19.

**\* Tình hình quản lý công nợ, hàng tồn kho:**

- Công nợ phải thu:

+ Tổng nợ phải thu ngắn hạn thời điểm 31/12/2020 là 343,055 tỷ đồng, trong đó công nợ trên 1 năm chiếm 57,8% và công nợ dưới 1 năm chiếm 42,2% tổng nợ phải thu. Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 36,2 tỷ, bằng 9,6% tổng nợ phải thu. Số liệu tương ứng của Công ty mẹ là 111,637 tỷ; 48,9%; 51,1%; 11,287 tỷ và 9,1%.

+ Nợ phải thu khách hàng là 302,379 tỷ đồng, chiếm 88% tổng nợ phải thu và bằng 34,1% tổng giá trị tài sản, tỷ lệ tương ứng của năm 2019 là 85,5% và 34,8%.

- Hàng tồn kho:



- + Số dư hàng tồn kho cuối kỳ là 304,032 tỷ, trong đó Công ty mẹ là 162,725 tỷ đồng.
- + Số dư hàng tồn kho trên 1 năm chiếm 29,3%; của Công ty mẹ chiếm 13,7%.
- + Hầu hết các đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, chỉ có TEDI-GIC trích lập 1,824 tỷ.
- Công nợ phải trả:
- + Tổng số nợ phải trả thời điểm 31/12/2020 là 633,093 tỷ đồng và Công ty mẹ là 301,894 tỷ đồng.
- + Khả năng thanh toán nợ đến hạn (tài sản ngắn hạn/nợ phải trả ngắn hạn): 1,3
- + Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu (mã 300/mã 400 trên BCDKT): 2,5

**\* Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:**

- Sau khi trích lập dự phòng theo quy định, các đơn vị trong Tổng công ty đều có lãi. Lợi nhuận thực hiện hợp nhất năm 2020 đạt 53,074 tỷ đồng, bằng 101% kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

- Hiệu quả hoạt động SXKD:

- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu đạt 5,08%.
- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 17,4%.
- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) đạt 4,98%.
- + Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 2.443 đồng/cổ phiếu.

- Bảo toàn và phát triển vốn: Hệ số bảo toàn vốn  $H = 1,047$ .

*Đánh giá: Công tác quản lý vốn và tài sản luôn được chú trọng. Hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2020 tăng so với năm 2019. Một số đơn vị do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 và thiên tai lũ lụt nên chưa hoàn thành chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu.*

*h) Công tác quản lý chất lượng, nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ:*

- Các đơn vị đã thực hiện dịch vụ tư vấn kỹ thuật và quản lý chất lượng cho các dự án cơ bản đáp ứng tiến độ và chất lượng. Nhiều công trình được Giải thưởng gói thầu xây dựng chất lượng cao cho lĩnh vực Tư vấn thiết kế như: Tư vấn khảo sát TKKT thuộc công trình đầu tư xây dựng đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng do Bộ Xây dựng trao giải ngày 01/7/2020 (Quyết định số 854/QĐ-BXD, ngày 29/6/2020); Giải thưởng chất lượng thiết kế công trình VECAS AWADR 2020 do Hiệp hội Tư vấn xây dựng Việt Nam trao tặng cho 02 dự án: Dự án đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn (giải Ba) và Dự án cải tạo, chỉnh trang, mở rộng, khắc phục ô nhiễm môi trường đường Trần Quốc Nghiễn (giải Ba) (Quyết định khen thưởng số 35/2020/QĐ-VECAS ngày 24/8/2020). 22/30 công trình/dự án đạt danh hiệu “Công trình/dự án chất lượng cao TEDI” gồm: Tư vấn Thiết kế: 16 công trình, Tư vấn Giám sát: 2 công trình và Tư vấn Khảo sát: 4 công trình.

- Tổng công ty đã phối hợp với các Công ty/ Nhà sản xuất/ Nhà cung ứng sản phẩm trong nước và quốc tế tổ chức nhiều buổi hội thảo giới thiệu về công nghệ mới, vật liệu mới và giải pháp ứng dụng thiết bị/ phần mềm trong công tác KSTK tới Lãnh đạo và kỹ sư các đơn vị trực thuộc cũng như các Công ty thành viên.

- Về sáng kiến cải tiến kỹ thuật: Tổng Liên đoàn lao động VN đã có Quyết định số 1560/QĐ-TLĐ ngày 3/11/2020 tặng Bằng lao động sáng tạo cho 12 cá nhân của TEDI (Trong đó Công ty Mẹ có 06 người). Tổng công ty đã quyết định công nhận 165 sáng kiến, cải tiến kỹ thuật của các đơn vị trong Tổng công ty, trong đó Công ty mẹ có

80 sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được thưởng với tổng số tiền thưởng là 246 triệu đồng, gấp 2 lần năm 2019.

- Ban hành Quy định về Giải thưởng Sáng tạo KHCVN TEDI (Quyết định số 63/QĐ-TEDI, ngày 25/02/2020) và phát động triển khai thực hiện Giải thưởng sáng tạo KHCVN TEDI 2021.

- Triển khai thực hiện 03 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tổng công ty nhằm mục tiêu về tổng kết, đúc rút kinh nghiệm các dự án đã hoàn thành, đặc biệt là các dự án có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, gồm: Tổng kết kinh nghiệm thiết kế cầu Bạch Đằng; Tổng kết kinh nghiệm thiết kế cầu Hoàng Văn Thụ và Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tổng công ty về việc "Đánh giá tổng thể tình hình ngập lụt và ảnh hưởng của ngập lụt đối với công trình giao thông trong đợt mưa lũ tháng 10/2020 trên địa bàn các tỉnh miền Trung, từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên Huế".

- Phối hợp với Công ty BVC hoàn thành công tác đánh giá giám sát lần 2 và BVC đã xác nhận sự phù hợp của Hệ thống QLCL TEDI với Tiêu chuẩn ISO 9001:2015, Nhóm Công ty TEDI đang tiếp tục áp dụng và duy trì một cách hiệu lực và hiệu quả; Tổ chức các lớp đào tạo các Đánh giá viên nội bộ, lớp Nhận thức ISO cho các kỹ sư, nhằm nâng cao hiểu biết cho CBCNV trong Tổng công ty

- Về đầu tư phần mềm KSTK: Tổng công ty đã mua mới, gia hạn và bảo trì, bảo dưỡng 09 bộ phần mềm máy tính với tổng số tiền là 527 triệu đồng.

*Đánh giá: Công tác ứng dụng KHCVN, quản lý chất lượng tiếp tục được chú trọng. Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 được triển khai áp dụng, góp phần đảm bảo chất lượng sản phẩm của Tổng công ty, khẳng định uy tín và phát triển thương hiệu TEDI trên thị trường tư vấn xây dựng.*

i) *Quản trị doanh nghiệp:*

- **Công tác tổ chức:**

- + Tổ chức thành công 3 Đại hội, Hội nghị lớn (Đại hội đồng cổ đông, Hội nghị Người Lao động và Đại hội Đảng bộ lần thứ XXII, NK 2020-2025).
- + Phối hợp với HĐQT các công ty con tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của đơn vị.
- + Ban hành Quy chế Thi đua - Khen thưởng và sửa đổi bổ sung Quy chế Tiền lương - Tiền thưởng.

- **Công tác cán bộ:**

- + Tổng số lao động của toàn Tổng Công ty thời điểm 31/12/2020 là 1.618 người/341 nữ (trong đó Công ty Mẹ gồm 477 người, 109 nữ chiếm 22,9%). Tổng số lao động tăng 7 người, trong đó Công ty mẹ giảm 3 người so với đầu năm.

- + Cơ cấu lao động:

- ✓ Lao động quản lý, phục vụ chiếm 19,6%; lao động sản xuất chiếm 80,4% (tương ứng Công ty Mẹ là 18% và 82%).
- ✓ Lao động có trình độ đại học trở lên chiếm 86,9%, trong đó Thạc sỹ - Tiến sỹ chiếm 10,3% tổng số lao động (tương ứng Công ty Mẹ là 95% và 12,2%).
- ✓ 27,1% tổng số lao động đảm nhận chức danh từ chủ trì hạng mục trở lên (Công ty mẹ: 35,8%).
- ✓ Tổng số chứng chỉ hành nghề tư vấn các chuyên ngành là 966 chứng chỉ, gồm 602 chứng chỉ hạng I, 223 hạng II và 141 hạng III (Tương ứng Công ty mẹ: 209 chứng chỉ, gồm 116 hạng I, 60 hạng II và 33 hạng III). Chứng

chỉ theo ngành nghề của Công ty mẹ gồm: Công trình giao thông (78), Đường bộ (38), Cầu - hầm (31), khảo sát (34), giám sát (37) và các ngành nghề khác (15)

+ Biến động nhân lực:

- ✓ Toàn Tổng công ty: Tuyển dụng 220 người; thôi việc 187 người; Nghỉ hưu 26 người. Tổng số lao động tăng 7 người
- ✓ Công ty mẹ: Tuyển dụng 19 người; thôi việc 19 người; Nghỉ hưu 3 người. Tổng lao động giảm 3 người.

+ Đào tạo: Triển khai Đề án đào tạo, năm 2020 công tác đào tạo đã có sự đột phá với nhiều nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng thiết thực. Các cán bộ, kỹ sư tham gia đào tạo cơ bản nghiêm túc thực hiện đầy đủ chương trình đề ra; Tiếp thu, cập nhật kiến thức mới, áp dụng có hiệu quả vào lao động sản xuất, hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao. Cụ thể:

- ✓ Toàn Tổng công ty: Đào tạo dài hạn: 30 người, ngắn hạn: 299 lượt người.
- ✓ Công ty mẹ: 287 lượt cán bộ, người lao động tham dự các khóa đào tạo dài hạn, ngắn hạn với tổng kinh phí hơn 866 triệu: Phối hợp với Đại học Giao thông vận tải mở lớp đào tạo thạc sỹ Kỹ thuật Công trình giao thông với sự tham gia của 28 kỹ sư TEDI; Cử 01 kỹ sư đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Thủy văn và 01 kỹ sư đào tạo chuyên ngành Thiết kế đồ họa; Cử 257 lượt cán bộ, kỹ sư tham gia khóa đào tạo hội nhập, phần mềm chuyên ngành, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, nâng cao kỹ năng sử dụng phần mềm PTV VISIM ..

+ Công tác bổ nhiệm:

- ✓ Tổng công ty: Tổng số cán bộ là 299 người, trong đó bổ nhiệm mới 30 người, giảm 9 người (nghỉ hưu, thôi việc).
- ✓ Công ty Mẹ: Tổng số cán bộ là 88 người trong đó bổ nhiệm mới 15 cán bộ lãnh đạo cấp trưởng phó đơn vị trực thuộc.

+ Công tác tiền lương:

- ✓ Tổng số 155 người được nâng lương, nâng bậc và chuyển chức danh. trong đó Công ty mẹ 73 người.
- ✓ Quỹ tiền lương-thưởng toàn Tổng công ty đã trích năm 2020 là 309,301 tỷ đồng, trong đó Quỹ lương - thưởng của Công ty mẹ là 112,557 tỷ đồng.
- ✓ Số dư phải trả người lao động đến 31/12/2020 là 60,574 tỷ đồng, bằng 19,58% Quỹ lương thưởng đã trích. Tương ứng của Công ty mẹ là 17,752 tỷ đồng, bằng 15,77% Quỹ lương - thưởng đã trích.
- ✓ Các đơn vị đã thanh toán xong quỹ lương chức danh và quyết toán quỹ tiền thưởng năng suất năm 2020 cho Người lao động trước 31/03/2021 theo quy định.
- ✓ Thu nhập bình quân đạt 13,2 triệu đồng/người/tháng (Công ty mẹ : 15,5 triệu)

+ Công tác an toàn lao động, cải thiện điều kiện làm việc:

- ✓ Tổng công ty đã được Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động Hạng C (Quyết định số 1021/QĐ-LĐTBXH ngày 18/08/2020). Tháng 12/2020, Tổng công ty đã tổ chức đào tạo An toàn vệ sinh lao động đợt 1 cho các kỹ sư đang tham gia tư vấn giám sát và khảo sát hiện trường.

- ✓ Giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động gặp khó khăn theo quy định; Công ty mẹ đã giải quyết cho 117 trường hợp với tổng kinh phí là 143 triệu đồng, gồm 108 trường hợp khó khăn đột xuất và 09 trường hợp đặc biệt khó khăn.
  - ✓ Công tác kiểm tra, tập huấn PCCC thực hiện theo đúng kế hoạch của quận Đống Đa;
  - ✓ Thực hiện đúng quy định về công tác quân sự, tự vệ; định kỳ cử cán bộ, người lao động tham gia tập huấn, huấn luyện công tác quân sự theo kế hoạch của Quận đội Đống Đa.
  - ✓ Giải quyết các sự vụ bất thường tại các dự án, thu thập, giải thích và giải quyết kịp thời các vướng mắc tại các dự án có kỹ sư của TEDI tham gia.
- + Công tác BHXH, BHYT, BHTN:
- ✓ Các đơn vị thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ trích và nộp BHXH, BHYT, BHTN theo quy định. Tổng số người lao động đóng bảo hiểm bình quân là 1.513 người/tháng. Tổng số tiền BHXH đã nộp trong năm là 31,376 tỷ. Mức tiền lương bình quân đóng bảo hiểm là 5,53 triệu đồng/người/tháng.
  - ✓ Công ty mẹ: Tổng số người lao động đóng bảo hiểm bình quân là 435 người/tháng. Tổng số tiền BHXH đã nộp là 9,103 tỷ đồng. Mức tiền lương bình quân đóng bảo hiểm là 5,37 triệu đồng/người/tháng.
- + Công tác quản trị văn phòng
- + Công tác xây dựng cơ bản: Đang triển khai dự án Nhà tạm để xe máy 2 tầng, để được 200-300 xe máy tại trụ sở 278 Tôn Đức Thắng với kinh phí đầu tư khoảng 4 tỷ đồng.
  - + Công tác truyền thông:
    - ✓ Tập san Thông tin Tư vấn thiết kế TEDI: Định kỳ phát hành với tần suất 01 số/ 01 quý.
    - ✓ Tổng số bài đăng trên Website TEDI là 198 bài, trong đó cập nhật tin tức dự án, hoạt động sự kiện là 101 bài, cập nhật thông tin bản đồ dự án là 34 bài, thông tin Tư vấn Thiết kế cập nhật 3 số, tổng số bài dịch sang tiếng Anh bao gồm cả các bài về thông tin dự án là 60 bài.
    - ✓ Thu thập dữ liệu dự án bao gồm ảnh tin bài các dự án đã hoàn thành 46 công trình (bao gồm 5 tỉnh miền Bắc, 2 tỉnh miền Trung và 9 tỉnh miền Tây Nam Bộ). Khối lượng dữ liệu đã thu thập trong năm 2020 là 400GB được sử dụng cập nhật website, brochure, ấn phẩm quảng cáo như lịch, sổ tay và cập nhật ảnh công trình trên phòng truyền thống
  - + Công tác thi đua khen thưởng:
    - ✓ Quyết định công nhận khen thưởng 50 cá nhân tiêu biểu xuất sắc của 7/10 Công ty trong Nhóm Công ty TEDI; Quyết định khen thưởng 198 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở của 11 đơn vị (trong đó Công ty mẹ là 51 cá nhân). Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty mẹ xét duyệt và quyết định khen thưởng 230 cá nhân đạt danh hiệu Lao động Tiên tiến; 12/16 tập thể trực thuộc đạt danh hiệu Lao động Tiên tiến.
    - ✓ Tổng chi từ quỹ thi đua khen thưởng 1,57 tỷ đồng cho các tập thể cá nhân có nhiều thành tích trong lao động sản xuất, thực hiện đảm bảo tiến độ chất lượng dự án, trong đó chi từ các danh hiệu thi đua cho tập thể cá nhân theo Quy chế Thi đua khen thưởng là 482 triệu đồng.

**Đánh giá:** Công tác quản trị doanh nghiệp ngày càng được hoàn thiện, có sự thống nhất trong toàn Tổng công ty khi triển khai nghị quyết quyết định của HĐQT Tổng công ty trên cơ sở hoàn thiện công tác nhân sự NDDPV, KSV. Về cơ bản, Tổng công ty và các công ty con đã đảm bảo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ công tác SXKD của đơn vị, công tác quản lý điều hành ngày càng hiệu quả; thực hiện tốt chương trình tiết kiệm triệt để chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

j) Văn hóa doanh nghiệp:

- Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống cho Người lao động:
- + Tổ chức 01 đợt khám sức khỏe định kỳ cho Người lao động.
- + Sửa chữa phòng làm việc, trang bị máy móc, công cụ dụng cụ, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động
- + Thường xuyên kiểm tra hệ thống báo cháy, các thiết bị phòng cháy chữa cháy và tập huấn công tác phòng cháy chữa cháy nhằm đảm bảo an toàn trong công tác phòng chống cháy nổ.
- + Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể thao để người lao động gắn bó hơn với doanh nghiệp, động viên khuyến khích người lao động: Gặp mặt, tham quan, du xuân đầu năm; nghỉ hè; liên hoan tổng kết, gặp thăm trúng thưởng tại buổi liên hoan tổng kết năm; v.v...
- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách xã hội, từ thiện, hướng tới cộng đồng.
- + Tặng sổ tiết kiệm cho các gia đình chính sách tại phường Hàng Bột và tặng quà cho người lao động là cựu chiến binh - thanh niên xung phong nhân ngày Thương binh liệt sỹ 27-7.
- + Phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên tổ chức nhiều hoạt động để chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động như: thăm hỏi, hiếu hỷ, tặng quà sinh nhật, giải quyết chế độ trợ cấp khó khăn; giao lưu thể thao; Hội khỏe truyền thống TEDI 2020; các hoạt động của lao động nữ nhân các ngày kỷ niệm 8/3, 28/6 và 20/10; hoạt động “Tình nguyện mùa hè”, “Tình nguyện mùa đông” của Đoàn thanh niên, v.v...

Thông qua các hoạt động này, Người lao động có cơ hội giao lưu, tái tạo sức lao động, tạo nét đẹp văn hóa doanh nghiệp của TEDI, gắn kết người lao động với doanh nghiệp hơn.

*Đánh giá:* Công tác xã hội từ thiện, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động đã góp phần duy trì và phát triển nét đẹp văn hóa doanh nghiệp TEDI, tiếp tục xây dựng giá trị cốt lõi của TEDI “Độc lập - Sáng tạo - Trung thực - Trách nhiệm” và môi trường văn hóa TEDI “Đồng thuận – Văn minh – Chuyên nghiệp”.

### **7.3 Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2020:**

Hội đồng quản trị Tổng công ty đã có Nghị quyết số 10 NQ-NK2/TEDI-HĐQT ngày 10/03/2020 về việc đánh giá xếp loại doanh nghiệp và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Ban điều hành Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty năm 2020:

09 đơn vị xếp doanh nghiệp loại A, NDDPV hoàn thành tốt nhiệm vụ gồm: TEDI, APECO, HECO, BRITEC, TEDI-PORT, TEDI-WECCO, TECCO 2, TEDCO4, TECCO 5.

01 đơn vị xếp doanh nghiệp loại B, NDDPV hoàn thành nhiệm vụ: RECO

01 đơn vị xếp doanh nghiệp loại C, NDDPV chưa hoàn thành nhiệm vụ: TEDI-GIC

**Kết luận:** Ban điều hành Tổng công ty và Người đại diện phần vốn tại các công ty con đã hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ trong năm 2020, đảm bảo tuân thủ pháp luật Nhà nước, Điều lệ Tổng công ty, Công ty; thực hiện nghiêm túc nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy chế, quy định quản trị nội bộ của doanh nghiệp, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ giao năm 2020, bảo toàn vốn, đảm bảo lợi nhuận và cổ tức cho cổ đông. Hầu hết các đơn vị được xếp doanh nghiệp loại A, Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đối với RECO xếp doanh nghiệp loại B và TEDI-GIC xếp doanh nghiệp loại C, NĐDPV sẽ phải tập trung vào việc tái cơ cấu ngành nghề, tinh giản biên chế, xây dựng chương trình hành động cụ thể, đề ra các giải pháp quyết liệt để khắc phục những tồn tại, cố gắng phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được ĐHĐCĐ, HĐQT giao trong năm 2021.

**PHẦN II**  
**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

**I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

**1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Các chỉ tiêu	Số liệu hợp nhất			Trong đó Công ty mẹ		
		TH 2020	KH 2021	Tỷ lệ %	TH 2020	KH 2021	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	886,846	880,000	99.2	452,116	445,000	98.4
2	Tổng doanh thu	868,989	890,000	102.4	380,720	405,000	106.4
3	Lợi nhuận trước thuế	53,074	65,800	124.0	26,860	38,800	144.5
4	Lợi nhuận sau thuế:	44,167	52,716	119.4	23,427	32,895	140.4
	T/ đó: - CD C.ty mẹ	31,235	38,966	124.7	23,427	32,895	140.4
	- CD không kiểm soát	12,932	13,751	106.3	-	-	-
5	Lãi cơ bản/Cổ phiếu	2,447	2,900	118.5	x	x	x
6	Đầu tư tài sản cố định	7,816	13,351	170.8	4,220	6,151	145.8

**2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021:**

*(Theo kết quả SXKD của Công ty mẹ)*

Cổ tức (% vốn điều lệ)	20% vốn điều lệ
Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban QLĐH	DN Loại A không quá 8% LNST, DN Loại B không quá 5% LNST và DN Loại C không quá 2% LNST, trong đó 50% thưởng HĐQT - BKS; 50% thưởng Ban điều hành.
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Không quá 10% LNST
LNST chưa phân phối	Tối thiểu 10% LNST

**3. Dự toán thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2021:**

Dự toán thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2021 là 927.480.000 đồng, cụ thể:

*Đơn vị tính: Đồng*

TT	Chức danh	Số lượng	Hệ số	Số tháng làm việc	Mức thù lao tháng/người	Thù lao KH năm 2020
1	Chủ tịch HĐQT	1	1,0	12	13.100.000	157.200.000
2	PCT HĐQT-TGD	1	0,9	12	11.790.000	141.480.000
3	Thành viên HĐQT	3	0,8	36	10.480.000	377.280.000
4	Trưởng BKS	1	0,6	12	7.860.000	94.320.000
5	Thành viên BKS	2	0,4	24	6.550.000	157.200.000
	<b>Cộng</b>	<b>8</b>		<b>96</b>		<b>927.480.000</b>

Thù lao thực tế của thành viên HĐQT, BKS sẽ được điều chỉnh theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của Tổng công ty.

## II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

Thực hiện Nghị quyết 09 NQ-NK2/TEDI-HĐQT ngày 11/12/2020 của Hội đồng quản trị, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021 gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Tổng công ty đảm bảo tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 do Đại hội đồng cổ đông giao, trong đó tập trung vào các lĩnh vực: Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới, tiếp tục mở rộng thị trường tư vấn trong và ngoài nước; phát triển lĩnh vực mới trong đó tập trung vào các ngành như hạ tầng đường sắt, hàng không, cảng đường thủy, khu đô thị, v.v...;

2. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát bảo đảm cho các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quy định, quy chế nội bộ và các chính sách, pháp luật của Nhà nước được thực thi và có hiệu lực trong Tổng công ty;

3. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện công tác tái cơ cấu doanh nghiệp, trong đó tập trung vào công tác tổ chức - cán bộ, tinh giản biên chế, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với tình hình thực tế, quản trị doanh nghiệp, phát triển khoa học công nghệ theo hướng tinh gọn, hiệu quả cao và đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong tình hình mới; củng cố và phát triển nhóm công ty; tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, xây dựng đội ngũ chuyên gia chủ chốt, chuyên gia đầu ngành, đạt tiêu chuẩn tư vấn quốc tế;

4. Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Tổng công ty an toàn, hiệu quả; Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Tổng công ty, hạch toán và kiểm soát giá thành theo từng công trình; tăng cường công tác quản trị rủi ro của toàn Tổng công ty, kiểm soát rủi ro trong sản xuất kinh doanh, rủi ro tài chính như dòng tiền, công nợ, hàng tồn kho, v.v....;

5. Chỉ đạo tổ chức xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo theo định hướng phát triển ngành nghề và mở rộng thị trường của Tổng công ty ra nước ngoài với sự hỗ trợ của các cổ đông chiến lược;

6. Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Tổng công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT đã được quy định tại Điều lệ Tổng công ty, trong đó:

- Tổ chức các cuộc họp thường kỳ Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi quý một lần, các cuộc họp bất thường và lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn tại các công ty con tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, đặc biệt là đối với 5 công ty con tổ chức họp Đại hội nhiệm kỳ IV (2021-2026), hoàn thành trong tháng 3 năm 2021.

- Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tuân thủ quy định tại Điều lệ và pháp luật hiện hành.



### PHẦN III KẾT LUẬN

Trên đây là nội dung Báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2021.

Để có cơ sở triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2021, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị và các nội dung Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ tại Tờ trình số .....TTr./TEDI-HĐQT ngày 13/05/2021.

Thay mặt cho Hội đồng quản trị Tổng công ty TVTK GTVT - CTCP, xin chân thành cảm ơn sự quan tâm hỗ trợ của các quý cổ đông, đặc biệt là các Chủ đầu tư, khách hàng, đối tác cùng các cổ đông chiến lược và toàn thể người lao động. Rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ nhiều hơn nữa trong thời gian tới.

Chúc Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông cùng gia đình sức khỏe dồi dào, hạnh phúc và thành công trong cuộc sống. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT (chi đạo th/h);
- Ban kiểm soát (biết);
- Ban điều hành (th/h);
- ĐU-CĐ TCT (ph/h);
- NĐDPV, KSV (th/h);
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



*Hitoshi YAHAGI*

**Hitoshi YAHAGI**

Số: 1325 TT./TEDI-HĐQT

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2021

## **TỜ TRÌNH**

**V/v: Các nội dung Hội đồng quản trị trình  
Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại cuộc họp thường niên năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động và tổ chức của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP;
- Căn cứ Báo cáo tài chính của Tổng công ty năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Căn cứ Nghị quyết số 11 NQ-NK2/TEDI-HĐQT ngày 16/4/2021 và Nghị quyết số 11.03 NQ-NK2/TEDI-HĐQT ngày 13/5/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty TVTK GTVT - CTCP;

Hội đồng quản trị Tổng công ty TVTK GTVT - CTCP trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung sau:

### **1. Báo cáo của Hội đồng quản trị:**

Báo cáo số 1324 BC/TEDI-HĐQT ngày 13/5/2021.

### **2. Báo cáo tài chính năm 2020:**

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tổng công ty TVTK GTVT - CTCP (TEDI) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, trong đó một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

*Đơn vị tính: Đồng*

TT	Chỉ tiêu	BCTC riêng		BCTC hợp nhất	
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng tài sản	445.916.288.382	452.115.632.546	888.615.905.111	886.846.054.375
	- Tài sản ngắn hạn	331.316.882.024	343.621.975.042	804.845.309.723	808.155.057.070
	- Tài sản dài hạn	114.599.406.358	108.493.657.504	83.770.595.388	78.690.997.305
2	Tổng doanh thu:	381.012.860.269	380.719.947.148	881.712.500.110	868.989.105.098
	- Cung cấp dịch vụ	367.019.564.009	367.491.618.078	872.527.286.074	860.540.581.468
	- Hoạt động t/chính	13.662.230.508	13.106.110.108	6.344.950.488	6.732.315.552
	- Thu nhập khác	331.065.752	122.218.962	2.840.263.548	1.716.208.078
3	LN trước thuế	25.405.585.773	26.860.078.317	54.262.735.740	53.073.794.618
4	Lợi nhuận sau thuế:	22.203.467.155	23.426.914.229	42.807.117.547	44.166.774.433
	- CĐ Công ty mẹ	22.203.467.155	23.426.914.229	29.150.870.832	31.235.067.744
	- CĐ ko kiểm soát	-	-	13.656.246.715	12.931.706.689
5	Lãi cơ bản/CP	x	x	1.749	2.447
6	Đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ	1.716.211.079	4.219.626.182	8.361.100.106	7.816.034.245

*(Kèm theo tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán)*

### 3. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020:

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng năm 2020, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ %	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>125.000.000.000</b>		
<b>II.</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>12.500.000</b>	100%	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Số cổ phần đang lưu hành	12.500.000	100%	
	- Cổ phiếu quỹ ( <i>không lưu hành</i> )	0	0%	
<b>III.</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>26.860.078.317</b>		
<b>IV.</b>	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.426.345.755</b>		
<b>V.</b>	<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>6.818.333</b>		
<b>VI.</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>23.426.914.229</b>	100%	
1	Cổ tức (1.550đ/CP x 12.500.000CP)	19.375.000.000	82,7%	
2	Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban QLĐH	702.800.000	3,0%	
	<i>Trong đó :</i>			
	- Thưởng HĐQT, BKS (50%)	351.400.000	1,5%	
	- Thưởng Ban điều hành (50%)	351.400.000	1,5%	
3	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	2.342.700.000	10,0%	
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.006.414.229	4,3%	

### 4. Quyết toán thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2020:

Quyết toán thù lao thành viên HĐQT- BKS theo kết quả SXKD năm 2020 là 1.059.648.000 đồng, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: Đồng*

TT	Họ và tên	Chức danh	Dự toán được duyệt	Quyết toán năm 2020	Số đã trả năm 2020	Số còn được quyết toán
<b>I.</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>					
1	Hitoshi YAHAGI	Chủ tịch	184,764,000	191,244,000	187,113,000	4,131,000
2	Phạm Hữu Sơn	Phó CT	166,284,000	166,284,000	164,025,000	2,259,000
3	Đỗ Minh Dũng	Thành viên <sup>1</sup>	147,816,000	147,816,000	145,806,000	2,010,000
4	Đào Ngọc Vinh	Thành viên	147,816,000	147,816,000	145,806,000	2,010,000
5	Phùng Tiến Trung	Thành viên	147,816,000	147,816,000	145,806,000	2,010,000
<b>II.</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>					
1	Phạm T. H. Nhung	Trưởng Ban	110,856,000	110,856,000	109,350,000	1,506,000
2	Ngô Nam Hà	Thành viên	73,908,000	73,908,000	72,903,000	1,005,000
3	Võ Hoàng Anh	Thành viên	73,908,000	73,908,000	72,903,000	1,005,000
<b>III</b>	<b>Tổng cộng</b>		<b>1,053,168,000</b>	<b>1,059,648,000</b>	<b>1,043,712,000</b>	<b>15,936,000</b>

## 5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Số liệu hợp nhất			Trong đó Công ty mẹ		
		TH 2020	KH 2021	Tỷ lệ %	TH 2020	KH 2021	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	886,846	880,000	99.2	452,116	445,000	98.4
2	Tổng doanh thu	868,989	890,000	102.4	380,720	405,000	106.4
3	Lợi nhuận trước thuế	53,074	65,800	124.0	26,860	38,800	144.5
4	Lợi nhuận sau thuế:	44,167	52,716	119.4	23,427	32,895	140.4
	T/ đó: - CĐ C.ty mẹ	31,235	38,966	124.7	23,427	32,895	140.4
	- CĐ không kiểm soát	12,932	13,751	106.3	-	-	-
5	Lãi cơ bản/Cổ phiếu	2,447	2,900	118.5	x	x	x
6	Đầu tư tài sản cố định	7,816	13,351	170.8	4,220	6,151	145.8

## 6. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2021:

Cổ tức (% vốn điều lệ)	20% vốn điều lệ
Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban QLĐH	DN Loại A không quá 8% LNST, DN Loại B không quá 5% LNST và DN Loại C không quá 2% LNST, trong đó 50% thưởng HĐQT - BKS; 50% thưởng Ban điều hành.
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Không quá 10% LNST
LNST chưa phân phối	Tối thiểu 10% LNST

## 7. Dự toán thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2021:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chức danh	Số lượng	Hệ số	Số tháng làm việc	Mức thù lao tháng/người	Thù lao KH năm 2021
1	Chủ tịch HĐQT	1	1,0	12	13.100.000	157.200.000
2	PCT HĐQT-TGD	1	0,9	12	11.790.000	141.480.000
3	Thành viên HĐQT	3	0,8	36	10.480.000	377.280.000
4	Trưởng BKS	1	0,6	12	7.860.000	94.320.000
5	Thành viên BKS	2	0,4	24	6.550.000	157.200.000
	<b>Cộng</b>	<b>8</b>		<b>96</b>		<b>927.480.000</b>

## 8. Sửa đổi bổ sung Điều lệ và các quy chế nội bộ:

- Thực hiện Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Thông tư số 116/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Điều lệ và các Quy chế nội bộ đã cập nhật sửa đổi theo mẫu quy định (*dự thảo kèm theo*), cụ thể gồm:

- 1) Điều lệ Tổ chức và Hoạt động (Sửa đổi lần thứ Ba);
- 2) Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Sửa đổi lần thứ Nhất);
- 3) Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- 4) Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Nguyên tắc sửa đổi:

- 1) Tuân thủ mẫu quy định tại Thông tư 116/TT-BTC ngày 31/12/2020
- 2) Giữ nguyên các nội dung đã có không trái với Luật và quy định hiện hành
- 3) Sửa đổi các nội dung chưa phù hợp với Luật và quy định hiện hành (*Bảng giải trình kèm theo*)



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông**

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP ("Tổng Công ty") và các quy định pháp luật liên quan, Ban Kiểm soát Tổng Công ty trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông về kết quả hoạt động năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 với các nội dung cụ thể như sau:

**1. Tổ chức Ban kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên trong Ban kiểm soát**

a. Tổ chức Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Tổng công ty có 03 thành viên, cụ thể như sau:

- Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Trưởng ban
- Ông Ngô Nam Hà - Thành viên
- Ông Võ Hoàng Anh - Thành viên

b. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên trong Ban kiểm soát

- Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Trưởng ban: Thực hiện công việc của Trưởng ban theo quy định và phân công nhiệm vụ trong Ban kiểm soát; Xây dựng và điều hành thực hiện kế hoạch của BKS; Đại diện Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp do Hội đồng quản trị tổ chức; Giám sát hoạt động của HĐQT/BĐH; Thẩm định Báo cáo tài chính công ty Mẹ và hợp nhất; Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát và các công tác khác theo quy định.

- Ông Ngô Nam Hà - Thành viên: Thực hiện công việc theo quy định và phân công nhiệm vụ trong Ban kiểm soát; Giám sát hoạt động của HĐQT/BĐH; Thẩm định Báo cáo tài chính công ty Mẹ và hợp nhất; Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát và các công tác khác theo quy định.

- Ông Võ Hoàng Anh - Thành viên: Thực hiện công việc theo quy định và phân công nhiệm vụ trong Ban kiểm soát; Giám sát hoạt động của HĐQT/BĐH; Thẩm định Báo cáo tài chính công ty Mẹ và hợp nhất; Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát và các công tác khác theo quy định.

**2. Các hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã họp 04 lần để thực hiện các nhiệm vụ, chức năng được quy định tại Điều lệ của Công ty và pháp luật, chi tiết như sau:

a. Hoạt động định kỳ

- Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông cũng như quản lý và điều hành Công ty;
- Tổ chức họp định kỳ và đột xuất để triển khai công việc theo nhiệm vụ, chức năng được giao trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Cử người đại diện tham dự đầy đủ và thảo luận tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;
- Đề xuất danh sách công ty kiểm toán độc lập thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính Tổng công ty và các công ty con.

*Handwritten signature and initials*

b. Hoạt động bất thường

Ban Kiểm soát đã tổ chức thực hiện kiểm tra các nội dung theo Văn bản yêu cầu của Nhóm cổ đông lớn (mã cổ đông TEDI 382 và TEDI 386) ngày 28/12/2020 về tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên trong giai đoạn từ 2018-2020, cụ thể:

- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu trong hoạt động quản lý điều hành của Tổng Công ty;
- Sử dụng đơn vị tư vấn độc lập để hỗ trợ phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.

c. Ý kiến của các thành viên Ban Kiểm soát

Do không đồng thuận được ý kiến sau khi đã thực hiện việc họp trao đổi và thảo luận về kết quả kiểm tra nên Ban Kiểm soát chúng tôi thống nhất trình bày ý kiến/quan điểm của từng thành viên, chi tiết như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ý kiến
Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng Ban KS	<p>Đồng thuận với Báo cáo kết quả số 13/2021/BCKTSX/TC-TVASC ngày 31/03/2021 của đơn vị tư vấn (đính kèm Báo cáo này) đã đưa ra do xét thấy các căn cứ và bằng chứng đoàn kiểm tra đưa ra là xác thực, cụ thể:</p> <p><b>Kết quả kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền năm tài chính 2018-2019-2020</b></p> <p>1. Doanh thu hàng năm đang ghi nhận chậm hơn so quy định pháp luật về kế toán, thuế dẫn đến phản ánh không trung thực về KQKD của Tổng Công ty cũng như lợi ích cổ đông hàng năm. <i>Tổng giá trị doanh thu 2019 chậm ghi nhận tính đến hết quý I/2020 là khoảng 57 tỷ đồng.</i></p> <p>2. Chi phí thực hiện dự án trong năm chưa tương ứng với doanh thu ghi nhận. Phần lớn các chứng từ chi phí sản xuất không đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ tiềm tàng rủi ro thiệt hại đáng kể về phạt, truy thu thuế.</p> <p><i>Các Trung tâm được giao khoán chi phí thực hiện cho các hạng mục công việc từ 51%-80% sản lượng bao gồm: (i) Chi phí lương (chiếm 25-27% sản lượng thực hiện) do Tổng Công ty chi trả; và (ii) Chi phí sản xuất được giao khoán còn lại (chiếm 25-50% sản lượng thực hiện) của Trung tâm chủ yếu là các giấy đi đường (công tác phí), vé tàu xe, thuê ngoài và hội họp... không đủ điều kiện được xác định là hợp lý, hợp lệ. Trong đó, thống kê tổng chi phí hội họp trong năm 2020 là <b>18 tỷ đồng</b>.</i></p> <p>3. Có hiện tượng “hoán đổi” chi phí thực hiện giữa các dự án với nhau làm cho hiệu quả các dự án phản ánh không trung thực, hợp lý, thể hiện sự thiếu minh bạch trong công bố số liệu. Đây là các hành vi có chủ ý và tiềm ẩn nhiều rủi ro bị quy kết vào hành vi trốn thuế (sử dụng chứng từ, tài liệu không hợp pháp để xác định sai số tiền thuế phải nộp).</p> <p>4. Quy trình tạm ứng, hoàn ứng đang khá lỏng lẻo.</p> <p><b>Kết quả kiểm tra hiệu quả TOP10 dự án</b></p> <p>1. TOP 10 dự án đang tồn tại các vấn đề về doanh thu, chi phí như đã nêu ở mục 1, làm cho hiệu quả dự án phản ánh không đúng. Theo thống kê, tỷ lệ lãi gộp trung bình của 10 dự án vào khoảng 20%.</p> <p>2. Công ty đang vi phạm những quy định pháp luật về quản lý</p>

Họ tên	Chức vụ	Ý kiến
		<p>và sử dụng nhà thầu phụ tại các dự án, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ thuê thầu phụ vượt mức theo tỷ lệ quy định tại Điều kiện cụ thể trong các hồ sơ mời thầu; và</li> <li>- Ở một số dự án có vốn Nhà nước, sử dụng thầu phụ không thuộc danh sách nhà thầu có tên trong hồ sơ đề xuất với Chủ đầu tư</li> </ul> <p>Ngoài ra, theo thống kê về chi phí thuê thầu phụ giai đoạn 2019, 2020 lần lượt là 137 tỷ và 107 tỷ tương đương 30-38% tổng doanh thu Công ty mẹ, trong đó, phần việc giao cho nhà thầu phụ ngoài hệ thống TEDI chiếm đến 70%.</p> <p><b>Căn cứ xây dựng kế hoạch năm 2021</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng hợp kết quả kiểm tra đã trình bày tại Phần 1 và Phần 2 Công văn này có thể thấy các căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận hàng năm nói chung cũng như kế hoạch năm 2021 nói riêng chưa phản ánh đúng thực trạng và hiệu quả hoạt động thực tế của Tổng Công ty.</li> </ul>
Ông Ngô Nam Hà	Thành viên	<p>Cần phải nhìn nhận đánh giá một cách tổng quan các hoạt động chỉ đạo điều hành, các kết quả đạt được của HĐQT, Ban điều hành trên cơ sở nghị quyết ĐHĐCĐ để đánh giá một cách công bằng, công tâm, có trách nhiệm và có sự chia sẻ vì quyền lợi của Cổ đông, của người lao động trong Tổng Công ty.</p> <p>Các Báo cáo tài chính riêng/hợp nhất hàng năm được các Công ty kiểm toán độc lập (Đơn vị đã được ĐHĐCĐ chấp thuận và giao HĐQT lựa chọn) kiểm toán. Báo cáo tài chính do TEDI lập được các đơn vị kiểm toán đánh giá: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh <b>trọng yếu</b> tình hình tài chính TEDI, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; Chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12 hàng năm. Trong đó, Báo cáo tài chính năm 2018, năm 2019, đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Đối với các ý kiến của kiểm toán TVASC, TEDI đã có các giải trình, làm rõ tại “Văn bản số 960/TEDI -TCKT ngày 12/4/2021 của Tổng giám đốc TEDI về việc “Kết quả kiểm tra hoạt động SXKD của kiểm toán TVASC tại TEDI”, chúng tôi có ý kiến như sau:</p> <p><b>Kết quả kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền năm tài chính 2018-2019-2020</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc ghi nhận chậm doanh thu nhằm phát triển ổn định cho năm tài chính tiếp theo tuy không gây thất thoát tài sản và phù hợp với thực tế đặc thù ngành tư vấn GTVT cũng như nguồn vốn Nhà nước bố trí chung cho các Dự án và lĩnh vực Tư vấn. Tuy nhiên lại chưa hoàn toàn tuân thủ theo đúng các chuẩn mực kế toán.</li> <li>- Cổ tức chi trả cho Cổ đông đúng thời hạn và được các Cổ đông chia sẻ qua từng năm thực hiện. Tuy nhiên, việc ghi nhận doanh thu chậm có thể dẫn đến rủi ro về thuế .</li> <li>- Báo cáo kiểm toán của TVASC theo yêu cầu của nhóm cổ đông được lập trên cơ sở kiểm tra hồ sơ, chứng từ và các quy định về</li> </ul>
Ông Võ Hoàng Anh	Thành viên	



Họ tên	Chức vụ	Ý kiến
		<p>Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý liên quan, tuy nhiên trong quá trình thực hiện không có sự trao đổi, phỏng vấn Ban điều hành và các bộ phận, cá nhân liên quan (P.TCKT, QLHĐ, P.TCCB-LĐ...) để nắm bắt nên kết luận một số nội dung chưa phản ánh đúng thực tế như: TEDI trích quỹ lương cả phần thuê thầu phụ (<i>thực tế, TEDI chỉ trích trên doanh thu tự thực hiện</i>); Đặc thù công tác tư vấn CTGT có tiến độ gấp và thực tế không có đơn vị tư vấn nào có đủ nhân lực để thực hiện toàn bộ các hạng mục TV GTVT nên TEDI phải thuê thêm các nhà thầu phụ để đáp ứng tiến độ, nội dung công việc TV (ITS, Điện, vận hành khai thác vv ...) Báo cáo của TVASC phần nào chưa phản ánh khách quan và đúng bản chất.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực tế, trong qua trình thực hiện các khâu từ tìm kiếm công việc, triển khai dự án TEDI phải chi phí cho hội họp, tham vấn với các Cơ quan có thẩm quyền, Chủ đầu tư và các đối tác liên quan rất nhiều nhưng việc thu thập được chữ ký cả thành viên họp là rất khó (<i>không thực hiện được</i>) nên BKS nhận thấy cần sự chia sẻ và thấu hiểu về việc này;</li> <li>- Hoán đổi chi phí dự án: Việc hoán đổi, ghi nhận chi phí không theo Dự án tuy không ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD chung, nhưng lại cho thấy công tác lập giá thành của Bộ phận kế toán chưa thật cẩn thận, rõ ràng nên có thể gây sơ xuất không đáng có.</li> </ul> <p><b>Kế hoạch SXKD năm 2021:</b></p> <p>TVASC trước khi đưa ra kết luận cần kiểm tra và phân tích cụ thể từng mục trong kế hoạch, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Về sản lượng: Bên cạnh các dự án gói đầu từ năm trước TEDI tiếp tục triển khai trong năm 2021 và các dự án mới TEDI đã tiếp cận hoặc đang chờ chủ trương của Cơ quan có thẩm quyền để tiếp cận để đánh giá về tính khả thi của sản lượng năm;</li> <li>+ Về Doanh thu: Việc ghi nhận Doanh thu phụ thuộc rất nhiều về tiến độ chung Dự án, thời điểm CĐT chấp thuận nghiệm thu đối với Khối lượng công việc TEDI hoàn thành nên việc xây dựng kế hoạch doanh thu là dự kiến để HDQT, Ban điều hành phấn đấu đạt và vượt so với các năm liên kế.</li> </ul> <p>✓ <b>Đề xuất, kiến nghị:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban điều hành cần chỉ đạo bộ phận kế toán trong công tác ghi nhận chi phí theo đúng dự án, tránh các sơ xuất như Báo cáo kiểm toán của TVASC đã nêu;</li> <li>- Hội đồng quản trị xem xét đề xuất của Ban điều hành về ghi nhận doanh thu hết năm 2020 trong quý 1/2021 để quyết định việc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua;</li> <li>- Trong năm 2021, Ban điều hành cần chỉ đạo sát sao các bộ phận liên quan trong các công tác: Ghi nhận doanh thu đúng kỳ; Kiểm soát chi phí đảm bảo thực hành tiết kiệm tối đa trên cơ sở đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả dự án; Kế hoạch SXKD năm 2021 cần xây dựng phù hợp với dự báo tình hình kinh tế năm 2021, nguồn lực và khả năng TEDI có thể tham gia các Dự án.</li> </ul>

### 3. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

- a. *Kết quả thực hiện:* Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ và đột xuất theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty để kịp thời triển khai các nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- b. *Ý kiến của Ban Kiểm soát:* 03/03 tán thành.

#### 4. Kết quả đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc năm 2020

- a. *Kết quả thực hiện:* Ban kiểm soát thực hiện đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc dựa trên các kết quả điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm cũng như tính tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty trong các hoạt động vận hành thường xuyên;
- b. *Ý kiến của Ban Kiểm soát:*

Họ tên	Chức vụ	Ý kiến đưa ra
Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng Ban KS	Ban điều hành Tổng công ty mà đứng đầu là Tổng giám đốc đã <u>không hoàn thành nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh</u> của Tổng công ty, <u>chưa đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật</u> Nhà nước và Điều lệ Tổng công ty dẫn đến những sai phạm và những rủi ro về hậu quả pháp lý cho Tổng Công ty.
Ô. Ngô Nam Hà	Thành viên	<p>Ban điều hành Tổng Công ty đã chỉ đạo các hoạt động mọi mặt trong đó có hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kết quả khả quan, đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua trong các năm 2018, 2019, 2020.</p> <p>Các nghĩa vụ về nộp NSNN, BHXH kịp thời, đầy đủ; Công ăn việc làm, thu nhập cho Người lao động ổn định; Chi trả cổ tức cho các cổ đông đúng thời hạn.</p> <p>Ban điều hành cũng đã tập trung trong công tác phát triển, mở rộng thị trường, ngành nghề sản phẩm (đường sắt, hàng không, quy hoạch...), xây dựng đội ngũ tư vấn chất lượng cao (Đào tạo cao học cho các kỹ sư, tập huấn, phổ biến kinh nghiệm về văn bản quy phạm pháp luật, công tác lập và quản lý chi phí dự án/ Công trình xây dựng...).</p>
Ô. Võ Hoàng Anh	Thành viên	

#### 5. Kết quả thẩm định các Báo cáo tài chính

- a. *Kết quả thực hiện:* Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính trên cơ sở các quy định pháp luật, từ đó thẩm định tính hợp pháp và trung thực của Báo cáo tình hình kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty; và
- b. *Ý kiến của Ban Kiểm soát:* Trên cơ sở đánh giá của từng thành viên về kết quả kiểm tra các nội dung như trình bày tại mục 1b Báo cáo này thì ý kiến của từng thành viên trong Ban Kiểm soát như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ý kiến đưa ra
Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng Ban KS	Trên cơ sở kết quả được trình bày tại Mục 2b của Báo cáo này, tôi <u>Không đồng thuận</u> về kết quả Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

*Handwritten signature:* Bà Phạm Thị Hồng Nhung

Ô. Ngô Nam Hà	Thành viên	<p>- Theo xếp hạng thường niên của Bộ Tài chính và VACPA, Hãng Kiểm toán AASC cùng 4 Công ty Kiểm toán Big 4 đang hoạt động tại Việt nam có doanh thu, khách hàng và đội ngũ kiểm toán viên lớn nhất thị trường. AASC đã được ĐHCĐ chấp thuận và giao HĐQT lựa chọn thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính Tổng công ty.</p> <p>- Trong quá trình thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng/hợp nhất năm 2020 kết thúc tại ngày 31/12/2020 của TEDI, AASC cam kết đã thực hiện theo yêu cầu và hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, cụ thể như sau:</p> <p>+ Xem xét tính tuân thủ Pháp luật: Thực hiện theo hướng dẫn của chuẩn mực Kiểm toán VSA250;</p> <p>+ Đánh giá mức độ rủi ro và mức trọng yếu: Thực hiện theo hướng dẫn của chuẩn mực Kiểm toán VSA315 và VSA320;</p> <p>+ Đánh giá sai sót phát hiện: Thực hiện theo hướng dẫn của chuẩn mực Kiểm toán VSA450;</p> <p>+ Lấy mẫu kiểm toán: Thực hiện theo hướng dẫn của chuẩn mực Kiểm toán VSA530;</p> <p>+ Thực hiện ước tính kế toán: Thực hiện theo hướng dẫn của chuẩn mực Kiểm toán VSA540.</p> <p>Kết quả của AASC trên cơ sở hồ sơ, chứng từ của TEDI, hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán, các Quy định hiện hành của Nhà nước, báo cáo kiểm toán của AASC đánh giá: “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính TEDI, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; Chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12 hàng năm”.</p> <p>Chúng tôi đồng thuận về nội dung, kết quả Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và bổ sung một số khuyến nghị và đề xuất để Ban điều hành làm tốt hơn công tác TCKT như đã nêu trong văn bản trả lời cổ đông.</p>
Ô. Võ Hoàng Anh	Thành viên	

#### **6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông**

- a. *Kết quả thực hiện:* Ban kiểm soát đã chủ động tham gia thảo luận, nắm bắt, đánh giá tình hình hoạt động của Tổng Công ty thông qua các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị. Ngoài ra, kịp thời phối hợp với Tổng Giám đốc và cổ đông trong việc thực hiện các yêu cầu của Cổ đông về tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty; và
- b. *Ý kiến của Ban Kiểm soát:* 03/03 tán thành.

#### **7. Báo cáo đánh giá về các giao dịch liên quan**

- a. *Kết quả thực hiện:* Tổng Công ty cần lưu ý thực hiện Báo cáo đầy đủ các nội dung và giao dịch với các bên liên quan theo quy định pháp luật như giao dịch mua dịch vụ, chia thầu với các Công ty con v.v..
- b. *Ý kiến của Ban Kiểm soát:* 03/03 tán thành.

**8. Tổng kết thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát trong năm 2020**

a. *Kết quả thực hiện:* Trong năm, ngoài các khoản thù lao trình bày dưới đây, Ban Kiểm soát không phát sinh chi phí hoạt động cũng như các lợi ích nào khác:

STT	Họ tên	Chức danh	Quyết toán thù lao 2020 (VND)
1	Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban	110.856.000
2	Ngô Nam Hà	Thành viên	73.908.000
3	Võ Hoàng Anh	Thành viên	73.908.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>258.672.000</b>

b. *Ý kiến của Ban Kiểm soát: 03/03 tán thành.*

**9. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021:**

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ TEDI, Ban kiểm soát thống nhất xác định trọng tâm kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021;
- Đảm bảo đại diện Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình quản trị của Tổng Công ty;
- Thẩm định tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính bán niên và cả năm; và
- Cập nhật các chế độ, chính sách mới ban hành để nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu công việc được giao.
- Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Báo cáo về tình hình hoạt động năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 của Ban kiểm soát Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị (b/c);
- Lưu BKS.

**TRƯỞNG BAN**



**Phạm Thị Hồng Nhung**

**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**



**Võ Hoàng Anh**

**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**



**Ngô Nam Hà**

Số: *06* /TEDI-BKS

Hà Nội, ngày *14* tháng *5* năm 2021

## **TỜ TRÌNH**

**V/v: Lựa chọn danh sách đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020  
của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP**

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP được Đại hội đồng cổ đông thông qua; và

- Căn cứ vào hồ sơ đề xuất cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính của các Công ty kiểm toán độc lập theo thư mời số 455/TEDI-BKS ngày 25/02/2021 về việc cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

Để việc thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty như sau:

### **1. Yêu cầu đối với Công ty kiểm toán độc lập**

- (i) Phải thuộc danh sách các công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng do Bộ Tài chính công bố tại trang Web: [www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn);
- (ii) Là Công ty kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, uy tín và nhiều kinh nghiệm trong công tác kiểm toán các đơn vị thuộc ngành giao thông vận tải nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính năm; và
- (iii) Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi, tiến độ kiểm toán do Tổng công ty và các công ty thành viên yêu cầu.

### **2. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập đưa vào danh sách để lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021**

Trên cơ sở các yêu cầu nêu trên và hồ sơ đề xuất tham gia thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021 của các công ty kiểm toán độc lập, Ban kiểm soát đề xuất 02 công ty kiểm toán đưa vào danh sách lựa chọn cung cấp dịch vụ kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021, như sau:

- (i). Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- (ii). Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

### 3. Đề xuất của Ban kiểm soát

Với các yêu cầu và lựa chọn nêu trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- (i) Thông qua danh sách 02 Công ty kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP; và
- (ii) Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định lựa chọn 01 trong số 02 công ty kiểm toán thuộc danh sách nêu tại mục 2 và giao cho Tổng giám đốc ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2021.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**Trưởng Ban kiểm soát**



**Phạm Thị Hồng Nhung**

Số: *07* /TEDI-BKS

Hà Nội, ngày *14* tháng *5* năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Thông qua quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát  
của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP**

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019

- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 do Chính Phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với Công ty đại chúng.

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Ban Kiểm soát Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải-CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Tài liệu đính kèm: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải- CTCP

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: VP, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**Trưởng Ban kiểm soát**



**Phạm Thị Hồng Nhung**

**NGHỊ QUYẾT (Dự thảo)**  
**CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP;*

*Căn cứ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2021 tổ chức ngày 05/6/2021;*

*Căn cứ các báo cáo và tờ trình của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;*

*Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP ngày 05/6/2021.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua các nội dung sau:**

1. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị;

2. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát;

3. Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tổng công ty TVTK GTVT - CTCP (TEDI) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

*Đơn vị tính: Đồng*

TT	Chỉ tiêu	BCTC riêng		BCTC hợp nhất	
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng tài sản	445.916.288.382	452.115.632.546	888.615.905.111	886.846.054.375
	- Tài sản ngắn hạn	331.316.882.024	343.621.975.042	804.845.309.723	808.155.057.070
	- Tài sản dài hạn	114.599.406.358	108.493.657.504	83.770.595.388	78.690.997.305
2	Tổng doanh thu:	381.012.860.269	380.719.947.148	881.712.500.110	868.989.105.098
	- Cung cấp dịch vụ	367.019.564.009	367.491.618.078	872.527.286.074	860.540.581.468
	- Hoạt động t/chính	13.662.230.508	13.106.110.108	6.344.950.488	6.732.315.552
	- Thu nhập khác	331.065.752	122.218.962	2.840.263.548	1.716.208.078
3	LN trước thuế	25.405.585.773	26.860.078.317	54.262.735.740	53.073.794.618
4	Lợi nhuận sau thuế:	22.203.467.155	23.426.914.229	42.807.117.547	44.166.774.433
	- CĐ Công ty mẹ	22.203.467.155	23.426.914.229	29.150.870.832	31.235.067.744
	- CĐ ko kiểm soát	-	-	13.656.246.715	12.931.706.689
5	Lãi cơ bản/CP	x	x	1.749	2.447
6	Đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ	1.716.211.079	4.219.626.182	8.361.100.106	7.816.034.245



4. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty mẹ:
- Cổ tức (1.550đ/CP x 12.500.000CP) (82,7% LNST): 19.375.000.000 đồng
  - Quỹ Khen thưởng phúc lợi (10% LNST): 2.342.700.000 đồng
  - Quỹ thưởng BQLĐH (3% LNST): 702.800.000 đồng
- Trong đó:*
- + Thưởng HĐQT, BKS (50%) 351.400.000 đồng
  - + Thưởng Ban ĐHDN (50%): 351.400.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (4,3% LNST): 1.006.414.229 đồng
- Cộng: 23.426.914.229 đồng**
5. Quyết toán thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2020: 1.059.648.000đ, cụ thể:

*Đơn vị tính: Đồng*

TT	Họ và tên	Chức danh	Dự toán được duyệt	Quyết toán năm 2020	Số đã trả năm 2020	Số còn được quyết toán
<b>I.</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>					
1	Hitoshi YAHAGI	Chủ tịch	184,764,000	191,244,000	187,113,000	4,131,000
2	Phạm Hữu Sơn	Phó CT	166,284,000	166,284,000	164,025,000	2,259,000
3	Đỗ Minh Dũng	Thành viên	147,816,000	147,816,000	145,806,000	2,010,000
4	Đào Ngọc Vinh	Thành viên	147,816,000	147,816,000	145,806,000	2,010,000
5	Phùng Tiến Trung	Thành viên	147,816,000	147,816,000	145,806,000	2,010,000
<b>II.</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>					
1	Phạm T. H. Nhung	Trưởng Ban	110,856,000	110,856,000	109,350,000	1,506,000
2	Ngô Nam Hà	Thành viên	73,908,000	73,908,000	72,903,000	1,005,000
3	Võ Hoàng Anh	Thành viên	73,908,000	73,908,000	72,903,000	1,005,000
<b>III</b>	<b>Tổng cộng</b>		<b>1,053,168,000</b>	<b>1,059,648,000</b>	<b>1,043,712,000</b>	<b>15,936,000</b>

6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Các chỉ tiêu	Số liệu hợp nhất			Trong đó Công ty mẹ		
		TH 2020	KH 2021	Tỷ lệ %	TH 2020	KH 2021	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	886,846	880,000	99.2	452,116	445,000	98.4
2	Tổng doanh thu	868,989	890,000	102.4	380,720	405,000	106.4
3	Lợi nhuận trước thuế	53,074	65,800	124.0	26,860	38,800	144.5
4	Lợi nhuận sau thuế:	44,167	52,716	119.4	23,427	32,895	140.4
	<i>T/ đó: - CĐ C.ty mẹ</i>	<i>31,235</i>	<i>38,966</i>	<i>124.7</i>	<i>23,427</i>	<i>32,895</i>	<i>140.4</i>
	<i>- CĐ không kiểm soát</i>	<i>12,932</i>	<i>13,751</i>	<i>106.3</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
5	Lãi cơ bản/Cổ phiếu	2,447	2,900	118.5	x	x	x
6	Đầu tư tài sản cố định	7,816	13,351	170.8	4,220	6,151	145.8

7. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2021:

Cổ tức (% vốn điều lệ)	20% vốn điều lệ.
Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban ĐHDN	DN Loại A không quá 8% LNST, DN Loại B không quá 5% LNST và DN Loại C không quá 2% LNST, trong đó 50% thưởng HĐQT - BKS; 50% thưởng Ban TGD, KTT.
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Không quá 10% LNST
LNST chưa phân phối	Tối thiểu 10% LNST

8. Dự toán Quỹ thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2021:

*Đơn vị tính: Đồng*

TT	Chức danh	Số lượng	Hệ số	Số tháng làm việc	Mức thù lao tháng/người	Thù lao KH năm 2021
1	Chủ tịch HĐQT	1	1,0	12	13.100.000	157.200.000
2	PCT HĐQT-TGD	1	0,9	12	11.790.000	141.480.000
3	Thành viên HĐQT	3	0,8	36	10.480.000	377.280.000
4	Trưởng BKS	1	0,6	12	7.860.000	94.320.000
5	Thành viên BKS	2	0,4	24	6.550.000	157.200.000
	<b>Cộng</b>	<b>8</b>		<b>96</b>		<b>927.480.000</b>

*Thù lao thực tế của thành viên HĐQT, BKS sẽ được điều chỉnh theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của Tổng Công ty.*

9. Danh sách đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

- 1) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- 2) Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định lựa chọn một đơn vị để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

10. Điều lệ tổ chức & hoạt động (sửa đổi lần thứ Ba) của Tổng công ty TVTK GTVT-CTCP. Giao Hội đồng quản trị Tổng công ty ký, ban hành Điều lệ sửa đổi lần thứ Ba tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

11. Ba (03) Quy chế nội bộ sau:

- 1) Quy chế nội bộ về quản trị công ty (sửa đổi lần thứ Nhất);
- 2) Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- 3) Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có trách nhiệm quyết định ban hành các quy chế trên tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

12. Việc thực hiện nghĩa vụ đăng ký lưu ký và giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán Upcom.

13. Việc hủy bỏ hạn chế thời gian chuyển nhượng đối với cổ phần ưu đãi bán cho người lao động theo số năm cam kết làm việc tại thời điểm cổ phần hóa.

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Tổng Công ty tổ chức triển khai thực hiện và giám sát quá trình thực hiện các nội dung của Nghị quyết theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Các ông bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các cá nhân và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết gồm bốn (04) trang được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp mâu thuẫn phát sinh hoặc có khác biệt giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản tiếng Việt được ưu tiên lựa chọn để áp dụng, điều chỉnh và giải thích.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn và có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2021./.

### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 2;
- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS TCT;
- ĐU- CĐ CTCP (ph/h);
- Ban điều hành TCT (th/h);
- NĐDPV, KSV tại công ty con (th/h);
- HĐQT Công ty con (ph/h);
- Lưu HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

**Hitoshi YAHAGI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

**GIẤY XÁC NHẬN HOẶC ỦY QUYỀN**

**Dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**  
**của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP**

Kính gửi: Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP

Tên pháp nhân/thể nhân: .....

Người đại diện (nếu là pháp nhân): .....

CMND/ĐKKD số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ: .....

Hiện đang sở hữu: .....(Bằng chữ:.....)

**Xin xác nhận sẽ đến tham dự ĐHCĐ:**

**Hoặc đồng ý ủy quyền cho người khác:**

Người được ủy quyền: .....

CMND/CCCD số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

Số cổ phần ủy quyền:.....

Được đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ tại Đại hội tương ứng với số cổ phần đã ủy quyền. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật.

Ghi chú:

- Cổ đông chỉ được đánh dấu X vào một trong hai ô vuông để xác nhận tham dự hoặc ủy quyền cho người khác. Khi đánh X vào ô ủy quyền, đề nghị cổ đông điền đầy đủ thông tin người được ủy quyền;

- Cổ đông gửi giấy ủy quyền (nếu có) về Tổng Công ty **trước 17h00 ngày 02/6/2021** (nếu là bản fax thì phải nộp lại bản gốc cho Ban tổ chức khi đến tham dự Đại hội).

....., ngày ....tháng ... năm 2021

**Người nhận ủy quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Cổ đông xác nhận/ủy quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên,  
đóng dấu nếu có)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP

# THẺ BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông:

NGUYỄN VĂN A

Mã cổ đông: .....

Số cổ phần sở hữu hoặc đại diện:

..... CỐ PHẦN



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

**PHIẾU BIỂU QUYẾT**

**1. Thông tin cổ đông tham gia biểu quyết**

Mã cổ đông: TEDI.....  
Tên cổ đông: Nguyễn Văn A  
Số cổ phần sở hữu hoặc đại diện: .....cổ phần

**2. Phần biểu quyết**

TT	Nội dung biểu quyết	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
1	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị			
2	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát			
3	BCTC năm 2020 đã được kiểm toán độc lập			
4	Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020			
5	Quyết toán thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2020			
6	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021			
7	Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021			
8	Dự toán thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2021			
9	Danh sách đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021			
10	Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi lần thứ Ba			
11	Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi lần Nhất			
12	Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị			
13	Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát			
14	Thực hiện nghĩa vụ đăng ký lưu ký và giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán Upcom			
15	Hủy bỏ hạn chế thời gian chuyển nhượng đối với cổ phần ưu đãi bán cho người lao động theo số năm cam kết làm việc tại thời điểm cổ phần hóa			

**3. Hướng dẫn biểu quyết**

Cổ đông đánh dấu "X" vào một trong 3 cột "Đồng ý", "Không đồng ý", "Không có ý kiến"

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2020****(Báo cáo tóm tắt)***(Số liệu sau Kiểm toán độc lập)*

- Tên đơn vị : Tổng công ty tư vấn thiết kế giao thông vận tải - CTCP
- Giấy đăng ký kinh doanh số 0100107839 ngày 03/06/2014
- Ngành nghề kinh doanh : Tư vấn thiết kế hạ tầng kỹ thuật GTVT
- Địa chỉ : 278 Tôn Đức Thắng, Phường Hàng bột, Quận đồng đa, TP Hà nội.
- Điện thoại: 04 3851 4431. Fax 04.3513 2935
- Vốn điều lệ : 125.000.000.000 đồng

Đơn vị : đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Số tại ngày 31/12/2020	Số tại ngày 01/01/2020
<b>A.</b>	<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100-BCĐKT</b>	<b>808,155,057,070</b>	<b>804,845,309,723</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	115,167,430,879	121,169,671,002
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	42,913,186,301	44,333,413,973
3	Các khoản phải thu	130-BCĐKT	343,055,474,752	361,896,291,337
	- Trong đó: Nợ phải thu khó đòi			-
4	Hàng tồn kho	140-BCĐKT	304,031,767,009	275,948,857,190
5	Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	2,987,198,129	1,497,076,221
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200-BCĐKT</b>	<b>78,690,997,305</b>	<b>83,770,595,388</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	880,649,223	809,860,000
2	Tài sản cố định	220-BCĐKT	70,307,427,521	73,615,914,205
	- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	67,930,435,117	70,282,710,551
	- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	2,376,992,404	3,333,203,654
3	Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	-	-
5	Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	7,502,920,561	9,344,821,183
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270-BCĐKT</b>	<b>886,846,054,375</b>	<b>888,615,905,111</b>
<b>III</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>300-BCĐKT</b>	<b>633,093,012,693</b>	<b>646,234,123,927</b>
1	Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	630,311,162,177	642,263,123,860
2	Nợ dài hạn	320-BCĐKT	2,781,850,516	3,971,000,067
<b>IV</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400-BCĐKT</b>	<b>253,753,041,682</b>	<b>242,381,781,184</b>
1	Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	253,753,041,682	242,381,781,184
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	125,000,000,000	125,000,000,000
	- Thặng dư Vốn cổ phần	412-BCĐKT	815,232,000	815,232,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	414-BCĐKT	17,190,490,000	17,972,670,000
	- Cổ phiếu quỹ	415-BCĐKT	(1,224,000)	(1,224,000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	418-BCĐKT	(9,876,529,675)	(10,408,709,675)
	- Quỹ đầu tư phát triển	418-BCĐKT	89,435,416	42,290,029
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421-BCĐKT	47,520,048,150	40,139,565,347
	- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	422-BCĐKT	73,015,589,791	68,821,957,483
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>450-BCĐKT</b>	<b>886,846,054,375</b>	<b>888,615,905,111</b>
<b>B.</b>	<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH</b>		<b>Số từ 01/01/2020 đến 31/12/2020</b>	<b>Số từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>
<b>I</b>	<b>Báo cáo kết quả SXKD</b>			
1	Tổng doanh thu		868,989,105,098	881,712,500,110

	- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD	860,540,581,468	872,527,286,074
	- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	6,732,315,552	6,344,950,488
	- Thu nhập khác	31-BCKQKD	1,716,208,078	2,840,263,548
2	Tổng chi phí		815,915,310,480	827,449,764,370
	- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11-BCKQKD	661,964,620,260	664,146,276,906
	- Chi phí tài chính	22-BCKQKD	1,425,833,555	6,336,288,143
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26-BCKQKD	150,030,584,110	153,080,821,898
	- Chi phí khác	32-BCKQKD	2,494,272,555	3,886,377,423
4	Tổng lợi nhuận trước thuế (1-2+3)	50-BCKQKD	53,073,794,618	54,262,735,740
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD	44,166,774,433	42,807,117,547
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông Công ty mẹ	61-BCKQKD	31,235,067,744	29,150,870,832
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	62-BCKQKD	12,931,706,689	13,656,246,715
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70-BCKQKD	2,447	1,749
<b>II.</b>	<b>Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước</b>		<b>Số từ 01/01/2020 đến 31/12/2020</b>	<b>Số từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>
1	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang ghi nhận trên BCTC		15,581,147,636	14,893,010,658
2	Tổng số phát sinh phải nộp NS		81,857,241,619	86,804,365,602
	Trong đó: các loại thuế		81,295,917,770	86,508,198,573
	- Các khoản phải nộp khác		561,323,849	296,167,029
3	Tổng số đã nộp NS		90,621,260,489	86,116,228,624
4	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau		6,817,128,766	15,581,147,636
	- Phải trả		7,920,089,037	16,963,577,720
	- Phải thu		1,102,960,271	1,382,430,084
<b>C</b>	<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>		<b>Số từ 01/01/2020 đến 31/12/2020</b>	<b>Số từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>
1	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		121,169,671,002	101,251,474,502
2	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		528,203	(7,980,986)
3	Lưu chuyển tiền trong kỳ		(6,002,768,326)	19,926,177,486
3.1	Lưu chuyển thuần từ hoạt động sxkd		18,694,643,020	130,848,928,678
3.2	Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư		(6,717,929)	(33,329,984,166)
3.3	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		(24,690,693,417)	(77,592,767,026)
4	Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá			
5	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		115,167,430,879	121,169,671,002
<b>D</b>	<b>Các chỉ tiêu khác</b>			
1	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)		17.41%	17.66%
2	Lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (%)		5.08%	4.85%
3	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)		4.98%	4.82%
4	Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)		2.5	2.7

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

Tăng Thị Thu Hiền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trương Minh Sơn

Phạm Hữu Sơn





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NĂM 2020****(BÁO CÁO TÓM TẮT)***(Số liệu sau Kiểm toán độc lập)*

1. Tên đơn vị : Tổng công ty tư vấn thiết kế giao thông vận tải - CTCP
2. Giấy đăng ký kinh doanh số 0100107839 ngày 03/06/2014
3. Ngành nghề kinh doanh : Tư vấn thiết kế hạ tầng kỹ thuật GTVT
4. Địa chỉ : 278 Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.
5. Điện thoại: 04 3851 4431. Fax 04.3513 2935
6. Vốn điều lệ : 125.000.000.000 đồng

*Đơn vị : đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Số tại ngày 31/12/2020	Số tại ngày 01/01/2020
<b>A.</b>	<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	100-BCĐKT	<b>343,621,975,042</b>	<b>331,316,882,024</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	44,211,877,902	24,565,091,870
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	25,000,000,000	30,000,000,000
3	Các khoản phải thu	130-BCĐKT	111,637,181,531	125,656,980,329
4	Hàng tồn kho	140-BCĐKT	162,725,026,616	151,094,809,825
5	Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	47,888,993	-
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	200-BCĐKT	<b>108,493,657,504</b>	<b>114,599,406,358</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT		
2	Tài sản cố định	220-BCĐKT	49,711,190,768	50,791,194,071
	- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	48,769,069,086	49,521,642,888
	- Tài sản cố định thuê tài chính	224-BCĐKT		
	- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	942,121,682	1,269,551,183
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230-BCĐKT		-
3	Bất động sản đầu tư	240-BCĐKT		-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	53,317,778,495	56,929,043,495
5	Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	5,464,688,241	6,879,168,792
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270-BCĐKT</b>	<b>452,115,632,546</b>	<b>445,916,288,382</b>
<b>III</b>	<b>Nợ phải trả</b>	300-BCĐKT	<b>301,894,435,352</b>	<b>297,035,555,416</b>
1	Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	300,910,972,724	295,808,434,138
	-Trong đó: Nợ quá hạn			
2	Nợ dài hạn	320-BCĐKT	983,462,628	1,227,121,278
<b>IV</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	400-BCĐKT	<b>150,221,197,194</b>	<b>148,880,732,966</b>
1	Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	150,221,197,194	148,880,732,966
	<i>Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>411-BCĐKT</i>	<i>125,000,000,000</i>	<i>125,000,000,000</i>
	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>412-BCĐKT</i>	<i>815,232,000</i>	<i>815,232,000</i>
	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>421-BCĐKT</i>	<i>24,405,965,194</i>	<i>23,065,500,966</i>
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT	-	-
	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440-BCĐKT</b>	<b>452,115,632,546</b>	<b>445,916,288,382</b>

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Số tại ngày 31/12/2020	Số tại ngày 01/01/2020
<b>B.</b>	<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH</b>		<b>Số từ 01/01/2020 đến 31/12/2020</b>	<b>Số từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>
<b>I.</b>	<b>Báo cáo kết quả SXKD</b>			
1	Tổng doanh thu		380,719,947,148	381,012,860,269
	- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD	367,491,618,078	367,019,564,009
	- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	13,106,110,108	13,662,230,508
	- Thu nhập khác	31-BCKQKD	122,218,962	331,065,752
2	Tổng chi phí		353,859,868,831	355,607,274,496
	- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11-BCKQKD	281,216,525,708	287,364,047,783
	- Chi phí tài chính	22-BCKQKD	2,116,016,209	4,697,053,216
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26-BCKQKD	70,280,010,611	63,123,116,403
	- Chi phí khác	32-BCKQKD	247,316,303	423,057,094
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	26,860,078,317	25,405,585,773
4	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51-BCKQKD	3,426,345,755	3,195,300,285
5	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52-BCKQKD	6,818,333	6,818,333
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD	23,426,914,229	22,203,467,155
<b>II.</b>	<b>Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước</b>		<b>Số từ 01/01/2020 đến 31/12/2020</b>	<b>Số từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>
1	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang		2,895,632,678	4,259,169,946
2	Tổng số phát sinh phải nộp NS		34,130,601,089	30,645,105,626
	<i>Trong đó: các loại thuế</i>		33,941,426,368	30,554,250,354
3	Tổng số đã nộp NS		34,771,632,734	32,008,642,894
4	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau		2,254,601,033	2,895,632,678
	- Phải trả		2,302,490,026	2,895,632,678
	- Phải thu		47,888,993	-
<b>C.</b>	<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>		<b>Số từ 01/01/2020 đến 31/12/2020</b>	<b>Số từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>
1	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		24,565,091,870	48,704,940,463
2	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		6,011,410	(6,779,620)
3	Lưu chuyển tiền trong kỳ		19,640,774,622	(24,133,068,973)
3.1	<i>Lưu chuyển thuần từ hoạt động sxkd</i>		28,065,568,332	45,057,661,302
3.2	<i>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</i>		11,466,728,963	(9,958,987,288)
3.3	<i>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</i>		(19,891,522,673)	(59,231,742,987)
5	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		44,211,877,902	24,565,091,870
<b>D.</b>	<b>Các chỉ tiêu khác</b>			
1	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)		18.74%	17.76%
2	Lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (%)		6.15%	5.83%
3	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)		5.18%	4.98%
2	Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)		2.01	2.00

NGƯỜI LẬP BIỂU



Tăng Thị Thu Hiền

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trương Minh Sơn

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Hữu Sơn



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**



**TEDI**

**(Dự thảo)**

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**(Sửa đổi lần thứ Ba)**

**HÀ NỘI, THÁNG 6 NĂM 2021**

**MỤC LỤC**

<b>PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>1</b>
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
<b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY .....</b>	<b>2</b>
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty .....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.....	2
<b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY</b>	<b>3</b>
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty.....	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty .....	3
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty.....	3
<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....</b>	<b>5</b>
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	5
Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu.....	5
Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông.....	6
Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	7
Điều 11. Chào bán cổ phần.....	7
Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần .....	8
Điều 13. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông .....	8
Điều 14. Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng công ty.....	9
Điều 15. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	9
Điều 16. Phát hành trái phiếu .....	10
<b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....</b>	<b>10</b>
Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	10
<b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....</b>	<b>10</b>
Điều 18. Quyền của cổ đông .....	10
Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 20. Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15

Điều 22. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	17
Điều 23. Thay đổi các quyền.....	19
Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông .....	19
Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 26. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 27. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua .....	23
Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 29. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	26
Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	26
<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>27</b>
Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	27
Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 33. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	32
Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	32
Điều 35. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	33
Điều 36. Người phụ trách quản trị công ty .....	36
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>37</b>
Điều 37. Tổ chức bộ máy quản lý .....	37
Điều 38. Người điều hành Tổng công ty .....	37
Điều 39. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	38
<b>IX. BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>39</b>
Điều 40. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	39
Điều 41. Thành phần Ban Kiểm soát.....	40
Điều 42. Trưởng Ban kiểm soát.....	41
Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát .....	41
Điều 44. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	43
Điều 45. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên .....	44
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....</b>	<b>44</b>
Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	44
Điều 47. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	46

<b>XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY.....</b>	<b>46</b>
Điều 48. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	46
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ.....</b>	<b>47</b>
Điều 49. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, đoàn thể trong Tổng công ty.....	47
Điều 50. Người lao động và Công đoàn.....	47
<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....</b>	<b>48</b>
Điều 51. Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.....	48
Điều 52. Chi trả cổ tức.....	48
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....</b>	<b>49</b>
Điều 53. Tài khoản ngân hàng.....	49
Điều 54. Năm tài chính.....	50
Điều 55. Chế độ kế toán.....	50
<b>XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>	<b>50</b>
Điều 56. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	50
Điều 57. Báo cáo thường niên.....	50
Điều 58. Kiểm toán.....	50
<b>XVII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY.....</b>	<b>51</b>
Điều 59. Dấu của Tổng công ty.....	51
<b>XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY.....</b>	<b>51</b>
Điều 60. Giải thể Tổng công ty.....	51
Điều 61. Gia hạn hoạt động.....	51
Điều 62. Thanh lý.....	52
<b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....</b>	<b>52</b>
Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	52
<b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>53</b>
Điều 64. Điều lệ Tổng công ty.....	53
<b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....</b>	<b>53</b>
Điều 65. Ngày hiệu lực.....	53

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP tổ chức vào ngày 05 tháng 6 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

**Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a) “*Việt Nam*” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
  - b) “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
  - c) “*Luật Chứng khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
  - d) “*Tổng công ty*” hay “*TEDI*” có nghĩa là Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP;
  - e) “*Vốn điều lệ*” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này;
  - f) “*Vốn có quyền biểu quyết*” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - g) “*Công Ty Con*” là công ty hạch toán độc lập do TEDI nắm giữ vốn góp chi phối (trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành) của công ty đó; hoặc nắm quyền chi phối thông qua quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc của công ty đó; hoặc quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó;
  - h) “*Người điều hành doanh nghiệp*” hay “*Ban điều hành*” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
  - i) “*Người quản lý doanh nghiệp*” là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
  - j) “*Người có liên quan*” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Khoản 23, Điều 4 của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
  - k) “*Cổ đông*” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.
  - l) “*Cổ đông lớn*” là cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

**II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY****Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty**

## 1. Tên Tổng công ty:

- Tên tiếng Việt: Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải-CTCP.
- Tên tiếng Anh: TRANSPORT ENGINEERING DESIGN INCORPORATED
- Tên viết tắt: TEDI
- Biểu tượng (logo) của Tổng công ty:



## 2. Hình thức:

Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam.

## 3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:

- Địa chỉ: Số 278 phố Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84-24).38514431.
- Fax: (84-24).38514980.
- E-mail: [tedi@tedi.com.vn](mailto:tedi@tedi.com.vn).
- Website: [www.tedi.vn](http://www.tedi.vn).

4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 60 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 61 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty**

Tổng công ty chỉ có một (01) người làm người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc (người đại diện theo pháp luật):

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Tổng công ty;
2. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác
3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về doanh nghiệp mà



mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định;

4. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Tổng công ty do vi phạm trách nhiệm theo quy định.

5. Các quyền và nghĩa vụ khác tuân thủ theo khoản 5 Điều 39 Điều lệ này.

### **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

#### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty là các ngành nghề phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành được Tổng công ty đăng ký và được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty:

a) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các Cổ đông đầu tư tại Tổng công ty; hoàn thành các nhiệm vụ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Phát triển Tổng công ty có trình độ công nghệ, quản lý và chuyên môn hoá cao; kinh doanh đa ngành, trong đó tư vấn, khảo sát, thiết kế công trình giao thông là ngành nghề kinh doanh chính; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với khoa học công nghệ;

c) Nâng cao chất lượng quản lý và hiệu quả đầu tư, mở rộng liên doanh liên kết, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế;

d) Nâng cao đời sống người lao động, phát huy truyền thống văn hóa doanh nghiệp;

e) Duy trì sự hợp tác và phát triển bền vững của Tổng công ty và các Công ty con.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty**

1. Tổng công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà Pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty**

1. Quyền của Tổng công ty:

a) Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

- b) Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn;
  - c) Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;
  - d) Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu;
  - e) Tuyển dụng, thuê và sử dụng người lao động theo yêu cầu kinh doanh;
  - f) Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;
  - g) Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ;
  - h) Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Tổng công ty;
  - i) Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được Pháp luật quy định;
  - j) Khiếu nại, tố cáo theo quy định của Pháp luật về khiếu nại, tố cáo;
  - k) Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của Pháp luật;
  - l) Các quyền khác theo quy định của Pháp luật;
2. Nghĩa vụ của Tổng công ty:
- a) Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã đăng ký; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của Pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;
  - b) Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của Pháp luật về kế toán;
  - c) Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;
  - d) Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát để quản lý phù hợp với quy định của Pháp luật;
  - e) Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các Cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các Cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông;
  - f) Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của Pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của Pháp luật về bảo hiểm;
  - g) Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;
  - h) Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của Pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về Tổng công ty, tình hình tài chính của Tổng công ty với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó;

- i) Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh;
- j) Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị Tổng công ty theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này;
- k) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật;
- l) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

#### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

##### **Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 125.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành Mười hai triệu, năm trăm nghìn (12.500.000) cổ phần với mệnh giá là mười nghìn (10.000) đồng/cổ phần.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 18, Điều 19 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

5. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

6. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

##### **Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Tổng công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu ghi danh. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ

yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;
- b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty;
- f) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

3. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn ba mươi (30) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác, cổ đông đó có thể đề nghị Tổng công ty cấp lại cổ phiếu với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty.

Đề nghị của Cổ đông phải có các nội dung sau đây:

- a) Cổ phiếu đã bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Tổng công ty để tiêu hủy;
- b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

### **Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông**

1. Tổng công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Tổng công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Tổng công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Tổng công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

#### **Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

#### **Điều 11. Chào bán cổ phần**

1. Chào bán cổ phần là việc Tổng công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

- a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
- b) Chào bán ra công chúng;
- c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

3. Tổng công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo đúng thời hạn quy định của Pháp luật, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

4. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Tổng công ty;
- c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Đại hội đồng cổ đông quy định.

5. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành Cổ đông của Tổng công ty.

6. Sau khi cổ phần được bán, Tổng công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Tổng công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường

hợp này, các thông tin về Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của Cổ đông đó trong Tổng công ty.

7. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán.

### **Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Tổng công ty.

4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Tổng công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Tổng công ty.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Tổng công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Tổng công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

8. Phí chuyển nhượng cổ phần: Cổ đông thực hiện chuyển nhượng cổ phần có trách nhiệm nộp phí chuyển nhượng cổ phần theo mức phí quy định của Tổng công ty tại từng thời điểm.

### **Điều 13. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông**

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Tổng công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Tổng công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Tổng công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

**Điều 14. Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng công ty**

Tổng công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Tổng công ty không quy định và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

3. Tổng công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Tổng công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Tổng công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Tổng công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Tổng công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Tổng công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

**Điều 15. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại**

1. Tổng công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Tổng công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán. Tổng công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Tổng công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Tổng công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

### **Điều 16. Phát hành trái phiếu**

1. Tổng công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 18. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành;



- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
  - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - g) Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty;
  - h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;
  - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
  - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;
  - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 của Điều này và các quy định khác của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;
  - b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;
  - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
  - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông Quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

- a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Tổng công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:
  - (i) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này;
  - (ii) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;
  - (iii) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- (iv) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - (v) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - (vi) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- b) Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Tổng công ty sẽ tính vào chi phí của Tổng công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

**Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông**

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần
7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a) Vi phạm pháp luật;
  - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.
9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

**Điều 20. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 18 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người quản lý doanh nghiệp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày

tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty;

- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

**Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
  - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
  - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
  - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
  - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
  - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
  - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
  - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
  - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
  - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
  - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;
  - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;
  - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
  - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;
  - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;
  - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
  - p) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - q) Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng với người có liên quan sau đây với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất:
    - (i) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và người có liên quan của họ;
    - (ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

- (iii) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Điều lệ này.
  - r) Chấp thuận các giao dịch sau đây: Cấp các khoản vay, cho vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này; Giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất với một trong các đối tượng sau:
    - (i) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
    - (ii) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;
    - (iii) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 46 Điều lệ này;
  - s) Chấp thuận Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
  - t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
  - u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 22. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông
  - a) Tất cả các cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân đều có quyền cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật.
  - b) Ủy quyền của cổ đông Tổ chức:
    - (i) Cổ đông là tổ chức có quyền cử một (01) hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình; trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn

bản đến Tổng công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
- + Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
- + Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;
- + Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
- + Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

(ii) Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- + Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- + Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp.

c) Việc ủy quyền của cổ đông là cá nhân phải được thực hiện bằng văn bản theo quy định của Pháp luật. Văn bản ủy quyền phải đảm bảo bao gồm các nội dung như quy định tại Tiết (i), Điểm b của Khoản này.

2. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông: Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- b) Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Điểm b, Khoản 1 nêu trên hoặc người đại diện theo ủy quyền không thể dự họp thì tổ chức đó có thể ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- d) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp;
- e) Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty);
- f) Trừ trường hợp quy định tại Điểm e, Khoản này phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:



- (i) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- (ii) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- (iii) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

**Điều 23. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 25, 26 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ

năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này;

- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

**Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

**Điều 26. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;
- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng

làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định

khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định.

**Điều 27. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử của Tổng công ty.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần

trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào đối với mọi vấn đề nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ các vấn đề sau đây:

- a) Định hướng phát triển Tổng công ty;
- b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- f) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo Pháp luật của Tổng công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ

đồng là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 29. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trong trường hợp mâu thuẫn phát sinh hoặc khác biệt giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản tiếng Việt được ưu tiên lựa chọn để áp dụng, điều chỉnh và giải thích.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

**Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ



này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế Thành viên bị mất tư cách Thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - b) Là : (i) Cổ đông cá nhân sở hữu năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông hoặc (ii) Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông hoặc (iii) Người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty.
  - c) Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.
5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
  - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
  - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là

người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;

- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.

6. Việc đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị: Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

7. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

8. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - (i) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
  - (ii) Thành viên đó gửi đơn xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty và được chấp thuận;
  - (iii) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - (iv) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị trừ trường hợp bất khả kháng và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - (v) Thành viên đó không còn là Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

9. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Tổng công ty.

**Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
  - e) Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng;
  - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này;

- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Tổng công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm o, Khoản 2, Điều 21 và Điểm a, Điểm c, Khoản 5, Điều 46 của Điều lệ này;
  - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp; quyết định mức lương và lợi ích khác của những Người điều hành doanh nghiệp đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
  - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh của Tổng công ty;
  - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
  - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;
  - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;
  - q) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
  - r) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
  - s) Giải quyết các khiếu nại giữa Tổng công ty với Người quản lý doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người quản lý doanh nghiệp đó;
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 nêu trên và trừ trường hợp quy định tại Điểm q, Điểm r, Khoản 2, Điều 21 và Điểm a, Điểm c, Khoản 5 Điều 46 của Điều lệ này phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn

của Tổng công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);

- b) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty;
- c) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị kế hoạch kinh doanh hàng năm;
- d) Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ và các tài sản khác theo quy định của Pháp luật;
- e) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;
- f) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Các báo cáo quy định tại các Khoản 4 Điều này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Khoản 4 Điều này.

5. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy giúp việc, con dấu của Tổng công ty để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

6. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

7. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng

giám đốc, các đơn vị trong Tổng công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các Công ty con trong Tổng công ty.

- b) Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 33. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

### **Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông..

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 35. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng

quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Biểu quyết:

- a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội



đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 5 Điều 46 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

14. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

15. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

16. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị theo Khoản 15 Điều này. Quyết định này có hiệu lực và giá trị như Quyết định được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;

- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và thư ký cuộc họp.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

**Điều 36. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị thành lập Tổ giúp việc Hội đồng quản trị thực hiện chức năng nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Tổ giúp việc gồm Tổ trưởng và các thành viên. Thành viên Tổ giúp việc Hội đồng quản trị phải là người hiểu biết về pháp luật và không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty. Thành viên Tổ giúp việc HĐQT được tuyển dụng theo quy trình tuyển dụng chung và có sự thông qua của HĐQT, có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

2. Tổ trưởng Tổ giúp việc chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thành viên Tổ giúp việc thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng Tổ giúp việc

- 3. Tổ trưởng Tổ giúp việc Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ:
  - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
  - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
  - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d) Tham dự và làm thư ký các cuộc họp;
  - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
  - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
  - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của

Tổng công ty;

- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Tổ trưởng Tổ giúp việc được quyền trực tiếp gửi thư mời họp Hội đồng quản trị và các tài liệu liên quan cho các thành viên Hội đồng quản trị khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt; có trách nhiệm đôn đốc, nhắc nhở các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ được giao; Được phép liên hệ với các cơ quan liên quan để thu thập, cung cấp thông tin theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị để phục vụ công tác tư vấn;
- j) Soạn thảo các văn bản theo yêu cầu của Hội đồng quản trị; quản lý hồ sơ, văn bản về hoạt động của Hội đồng quản trị;
- k) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- l) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;
- m) Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Tổng công ty;
- o) Các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao;
- p) Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 37. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 38. Người điều hành Tổng công ty**

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo

Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Điều 39. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- a) Có đủ năng lực hành vi và không thuộc những đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;
- b) Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty;
- c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tổng công ty, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp khác tại Tổng công ty.

5. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm: (i) Thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Tổng công ty trừ các Hợp đồng quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 5, Điều 46 của Điều lệ này; (ii) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty và (iii) các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- c) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
- d) Quyết định thành lập các phòng chuyên môn nghiệp vụ, ban quản lý dự án đầu tư sau khi được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị;
- e) Kiến nghị số lượng và Người điều hành doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt nhất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành doanh nghiệp;
- f) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương, thưởng đối với các chức danh quản lý khác trong

Tổng công ty, trừ những Người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- g) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- h) Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- i) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;
- j) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;
- k) Có trách nhiệm lập kế hoạch trình Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, đào tạo, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- l) Tuyển dụng người lao động;
- m) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- n) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Tổng công ty, các quyết định của Hội đồng quản trị và Pháp luật.

6. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 40. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Việc đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát: Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

**Điều 41. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;
- b) Không được giữ chức vụ Người quản lý doanh nghiệp trong Tổng công ty và không phải là người có quan hệ gia đình với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và người đại diện phần vốn của doanh nghiệp khác tại Tổng công ty. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;
- c) Các Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
- d) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Thành viên đó bị Pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 2 Điều này;
- b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Tổng công ty và được chấp thuận;
- c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liền tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật;

- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

**Điều 42. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có quyền:

- a) Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.
- b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.
- e) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này.
- f) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

- g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
  - h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 46 của Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
  - i) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.
  - j) Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
  - k) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
  - l) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.
  - m) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
  - n) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty.
  - o) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
  - p) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này
2. Ban kiểm soát có nghĩa vụ:
- a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
  - b) Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
  - c) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty.
  - d) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.



- e) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- f) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông phải đảm bảo có các nội dung sau:
  - (i) Kết quả kinh doanh của Tổng công ty; Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
  - (ii) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
  - (iii) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên;
  - (iv) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
  - (v) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty;
  - (vi) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty;
  - (vii) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;
  - (viii) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều này đều thuộc sở hữu của Tổng công ty và bị Tổng công ty thu hồi.

4. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

**Điều 44. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

**Điều 45. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

**X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

**Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác; Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về (i) Các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp mà những người này sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần và (ii) Các doanh nghiệp mà Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp sở hữu phần vốn góp, cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

4. Tổng công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- a) Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
  - (i) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;
  - (ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
  - (iii) Doanh nghiệp liên quan thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp, bao gồm:
    - a. Doanh nghiệp mà những người này sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
    - b. Doanh nghiệp mà những người có liên quan của những người này cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
- b) Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;
- c) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Điểm b, Khoản này. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.
- d) Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điểm b và Điểm c của Khoản này. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, cổ

đồng, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó;

- e) Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

#### **Điều 47. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp, người lao động hoặc là đại diện được Tổng công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp, người lao động hoặc đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành doanh nghiệp, người lao động hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;
- b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm: Các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY**

#### **Điều 48. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
  - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao

chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ**

### **Điều 49. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, đoàn thể trong Tổng công ty**

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Tổng công ty hoạt động theo khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Tổng công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyên truyền, vận động thành lập tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác tại Tổng công ty, kết nạp những người lao động tại Tổng công ty vào các tổ chức này.

3. Tổng công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và các điều kiện cần thiết khác để thành viên tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác làm việc tại Tổng công ty thực hiện đầy đủ chế độ sinh hoạt theo điều lệ và nội quy của các tổ chức này.

### **Điều 50. Người lao động và Công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã

hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

### **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 51. Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ**

1. Hàng năm, Tổng công ty trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lợi nhuận ròng) để lập các quỹ. Việc lập và tỷ lệ trích các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị, tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

2. Hội đồng quản trị Tổng công ty có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông:

- a) Phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo;
- b) Phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và hoạt động của Tổng công ty.

#### **Điều 52. Chi trả cổ tức**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty. Tổng công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Tổng công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- b) Tổng công ty đã trích lập các quỹ Tổng công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và theo quy định của Tổng công ty;
- c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Tổng công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Tổng công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông.

3. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày

kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

- a) Tên Tổng công ty và địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;
  - b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;
  - c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
  - d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
  - e) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
  - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.
5. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.
6. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.
7. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
8. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
9. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Tổng công ty.
10. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

##### **Điều 53. Tài khoản ngân hàng**

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

**Điều 54. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm đó.

**Điều 55. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

**XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN****Điều 56. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Tổng công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 57. Báo cáo thường niên**

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Điều 58. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định



lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

## **XVII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 59. Dấu của Tổng công ty**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 60. Giải thể Tổng công ty**

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Tổng công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 61. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ sau mười lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

**Điều 62. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

**XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ****Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Tổng công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được

các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 64. Điều lệ Tổng công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 65. Ngày hiệu lực**

1. Điều lệ này được lập thành mười (10) bản gốc bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Trong trường hợp mâu thuẫn phát sinh hoặc khác biệt giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh thì bản tiếng Việt sẽ được lựa chọn ưu tiên để áp dụng, điều chỉnh và giải thích.

2. Bản điều lệ này gồm hai mươi một (21) mục, sáu mươi lăm (65) điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty nhất trí thông qua ngày 05 tháng 6 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI – CTCP**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC** **CHỦ TỊCH HĐQT**

**Phạm Hữu Sơn**

**Hitoshi YAHAGI**

**THÀNH VIÊN HĐQT**

**THÀNH VIÊN HĐQT**

**THÀNH VIÊN HĐQT**

**Đỗ Minh Dũng**

**Đào Ngọc Vinh**

**Phùng Tiến Trung**

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**



**(Dự thảo)**

**QUY CHẾ**  
**NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**(Sửa đổi lần thứ Nhất)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-TEDI ngày 05/6/2021  
của Hội đồng quản trị Tổng công ty TVTK GTVT - CTCP)*

**HÀ NỘI, THÁNG 6 NĂM 2021**

MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>1</b>
Điều 1. Giải thích từ ngữ .....	1
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	2
<b>CHƯƠNG II - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....</b>	<b>2</b>
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông. ....	2
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	2
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	6
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến .....	8
<b>CHƯƠNG III - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>9</b>
Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.	10
Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị: .....	13
Điều 11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị. ....	16
<b>CHƯƠNG IV - BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>16</b>
Điều 12. Tiêu chuẩn, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên.....	16
Điều 13. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên .....	19
<b>CHƯƠNG V - TỔNG GIÁM ĐỐC.....</b>	<b>20</b>
Điều 14. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc. ....	20
Điều 15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc. ....	21
<b>CHƯƠNG VI - CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC.....</b>	<b>22</b>
Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc. ....	22
Điều 17. Quy định về đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác. ....	23
<b>CHƯƠNG VII - HIỆU LỰC THI HÀNH .....</b>	<b>24</b>
Điều 18. Điều khoản thi hành .....	24
Điều 19. Hiệu lực.....	24

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ  
GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CỦA TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-TEDI, ngày 05 tháng 6 năm 2021  
của Hội đồng quản trị Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải-CTCP)*

**CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Giải thích từ ngữ**

Trừ khi có ngữ cảnh quy định khác đi, các từ ngữ trong Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP này (“Quy Chế”) được hiểu như sau:

- a) “*Tổng công ty*” hay “*TEDI*” có nghĩa là Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP;
- b) “*Điều Lệ*” có nghĩa là Điều lệ của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
- c) “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- d) “*Luật Chứng khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- e) “*Công Ty Con*” là công ty hạch toán độc lập do TEDI nắm giữ vốn góp chi phối (trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành) của công ty đó; hoặc nắm quyền chi phối thông qua quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc của công ty đó; hoặc quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó;
- f) “*Cổ đông*” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.
- g) “*Cổ đông lớn*” là cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
- h) “*Người điều hành doanh nghiệp*” hay “*Ban điều hành*” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
- i) “*Người quản lý doanh nghiệp*” là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- j) “*Người có liên quan*” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Khoản 23, Điều 4 của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
- k) “*Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành*” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

**Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải-CTCP và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

**CHƯƠNG II - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật này và Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- a) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.
  - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.
  - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.
2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp:
- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
  - b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty;
  - c) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Trước khi lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, Hội đồng quản trị phải thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trên công thông tin điện tử của Tổng công ty.
4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:
- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc.
  - b) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
    - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
    - b. Mẫu Phiếu biểu quyết.
  - c) Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.
5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:
- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;



- c) Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.
6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp
7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- a) Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Tổng công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- b) Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
8. Điều kiện tiến hành:
- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết;
- b) Trường hợp cuộc họp lần thứ Nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản a) thì thông báo mời họp lần thứ Hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ Nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ Hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên;
- c) Trường hợp cuộc họp lần thứ Hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản b) thì thông báo mời họp lần thứ Ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ Hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ Ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:
- a) Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.
- b) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
- Định hướng phát triển Tổng công ty;
  - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
  - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - Tổ chức lại, giải thể công ty.

10. Cách thức bỏ phiếu: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một mã số và một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.

11. Cách thức kiểm phiếu: Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Tổng số phiếu biểu quyết ủng hộ, phản đối hay không có ý kiến gì, sẽ được Thư ký thông báo ngay trước khi bế mạc Đại hội.

12. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua:

- a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
  - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
  - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
  - e. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.
- b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản a) nêu trên.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua công thông tin điện tử của Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- a) Cổ đông có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và được công bố trên công thông tin điện tử của Tổng công ty.
- b) Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu trả.
- c) Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.
  - b) Biên bản Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trong trường hợp mâu thuẫn phát sinh hoặc khác biệt giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản tiếng Việt được ưu tiên lựa chọn để áp dụng, điều chỉnh và giải thích.
  - c) Biên bản phải bao gồm các nội dung:
    - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
    - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
    - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
    - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
    - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
    - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
    - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
    - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
    - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
  - d) Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo biên bản tại Đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung trước khi trình Chủ tọa ký.
  - e) Chủ tọa và Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
  - f) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết toàn văn được thông qua tại đại hội, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:
- a) Bản sao Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông (kể cả cổ đông không dự họp) trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc Đại hội;
  - b) Tổng công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

**Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.**

1. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản:
  - a) Định hướng phát triển Tổng công ty;

- b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
  - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - f) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- a) Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào đối với mọi vấn đề nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.
  - b) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
  - c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
    - b. Mục đích lấy ý kiến;
    - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
    - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
    - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
    - f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
    - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo Pháp luật của Tổng công ty.
  - d) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty theo một trong các hình thức sau đây:
    - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
- e) Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e. Các nghị quyết đã được thông qua;
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu;
  - g. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- f) Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- g) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
- h) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến**

1. Địa điểm tổ chức: Tổng công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến tại các hội trường, phòng họp trong trụ sở chính của Tổng công ty.
2. Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Quy chế này.

**CHƯƠNG III - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần của Tổng công ty;
- e) Quyết định mua lại không quá mười (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng và giá mua lại cổ phần theo quy định của Điều lệ;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

6. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin theo Điều lệ Tổng công ty quy định.

**Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.**

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
- c) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.
- b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:
  - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;
  - c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

- d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
  - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
  - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;
  - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
  - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.
3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:
  - a) Đề cử vào Hội đồng quản trị:
    - a. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông đề cử các ứng viên bầu vào Hội đồng quản trị.
    - b. Nếu cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:
      - (i) Từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) thì được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên.
      - (ii) Từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) thì được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên.
      - (iii) Từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) thì được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên.
      - (iv) Từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) thì được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên.
      - (v) Từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.
  - b) Nếu sau khi áp dụng các quy định về đề cử nêu trên mà vẫn chưa đủ số ứng cử viên cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Tổng công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
  - c) Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng cử viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị phải được gửi về cho Hội đồng quản trị đương nhiệm chậm nhất mười (10) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức.
  - d) Danh sách ứng cử viên được đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng quản trị (kèm



theo lý lịch, thông tin) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Tổng công ty và địa điểm nơi tổ chức Đại hội.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:
  - a) Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đồng đều.
  - b) Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Tổng công ty và được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.
  - c) Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.
  - d) Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:
    - a. Phiếu không phải của Ban tổ chức phát hành;
    - b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
    - c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
    - d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
    - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - e) Người trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
  - f) Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử của Tổng công ty
  - g) Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua
5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật;
6. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị: Cổ đông, nhóm Cổ đông thực hiện ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều này. Toàn bộ hồ sơ, thông tin cần thiết được gửi tới Hội đồng quản trị tại địa chỉ trụ sở của Tổng công ty;
7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
  - a) Sau khi có kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch và một (01) Phó Chủ tịch.
  - b) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng

quản trị nhiệm kỳ mới, thành viên có số phiếu bầu cao nhất sẽ triệu tập và chủ trì để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty

**Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.**

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

3. Thù lao và thưởng của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:**

- 1. Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị: Tối thiểu 01 lần/Quý;
- 2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
  - d) Trường hợp khác theo Điều lệ Tổng công ty quy định.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị:

- a) Giấy mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn ít nhất ba (03) ngày làm việc, trừ trường hợp trong cuộc họp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều không có ý kiến đề nghị tổ chức họp lại vì lý do tài liệu họp không được chuyển đến đúng thời hạn. Giấy mời họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định.
- b) Tài liệu họp của phiên họp Hội đồng quản trị phải được gửi kèm cùng giấy mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị nếu như không nhận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của Hội đồng quản trị hay Tổ giúp việc Hội đồng quản trị có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của

Thành viên.

- c) Giấy mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện phù hợp khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị đã được đăng ký tại Tổng công ty.
4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Kiểm soát viên:
  - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
  - b) Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết
5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:
  - a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).
  - b) Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
6. Cách thức biểu quyết:
  - a) Trừ quy định tại Mục b) Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
  - b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
  - c) Theo quy định tại Mục d) Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
  - d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều lệ Tổng công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
  - e) Bỏ phiếu trước bằng văn bản: Các thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu trước bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

- a) Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên năm mươi phần trăm (50%)). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
- b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền phản đối nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp.
- c) Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Hội đồng quản trị cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Hội đồng quản trị.

**8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

**9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị.**

- a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian, địa điểm họp;
  - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản (Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị)
- b) Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
- c) Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
- d) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổ giúp việc Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp và nghị quyết Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt).

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị, nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h tại Mục a) Khoản 9

Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Tổng công ty có trách nhiệm thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tổng công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Điều 11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.**

1. Nguyên tắc lựa chọn thành viên hoặc người phụ trách Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- a) Thành viên của Tiểu ban phải có kiến thức hoặc kinh nghiệm về lĩnh vực tiểu ban nhận phụ trách;
- b) Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Việc lựa chọn thành viên bên ngoài phải đảm bảo nguyên tắc số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của Tiểu ban;
- d) Thành viên bên ngoài được quyết biểu quyết với tư cách thành viên của Tiểu ban.

2. Nguyên tắc hoạt động của các Tiểu ban:

- a) Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra.
- b) Nghị quyết của các Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của Tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

3. Nhiệm vụ của các Tiểu ban:

- a) Tiểu ban có nhiệm vụ xây dựng quy trình và giám sát các nội dung được Hội đồng quản trị phê duyệt
- b) Hội đồng quản trị cũng có thể xem xét thành lập thêm một số Tiểu ban khác hỗ trợ hoạt động Tổng công ty nếu thấy cần thiết.

**CHƯƠNG IV - BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 12. Tiêu chuẩn, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên.**

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;
- b) Không được giữ chức vụ Người quản lý doanh nghiệp trong Tổng công ty và không phải là người có quan hệ gia đình với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp của Tổng công ty và người đại diện phần vốn của doanh nghiệp khác tại Tổng công ty. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty.

- c) Các Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
  - d) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:
- a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty;
  - b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
  - c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
  - d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty;
  - e) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên;
  - f) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
  - g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
  - h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
  - i) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội

đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

- j) Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao.
  - k) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
3. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:
- a) Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
    - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
    - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
    - c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.
  - b) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.
  - c) Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.
4. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên:
- a) Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
  - b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty.
  - c) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
  - d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
  - e) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Mục a), b), c), d) Khoản 2 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định đều thuộc sở hữu của Tổng công ty và bị Tổng công ty thu hồi.
  - f) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

**Điều 13. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên**

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên:
  - a) Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế
  - b) Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) thành viên. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:
  - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;
  - b) Không được giữ chức vụ Người quản lý doanh nghiệp trong Tổng công ty và không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các Người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty.
  - c) Các Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
  - d) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
3. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên:
  - a) Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.
  - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:
    - (i) Từ năm phần trăm (05%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
    - (ii) Từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
    - (iii) Từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên
4. Cách thức bầu Kiểm soát viên: Tương tự các thức bầu thành viên Hội đồng quản trị ở trên.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:
  - a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
    - (i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 2, Điều này;
    - (ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
    - (iii) Trường hợp khác theo Điều lệ Tổng công ty quy định.
  - b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
    - (i) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
    - (ii) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;



- (iii) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
  - (iv) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật.
7. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên:
- a) Kiểm soát viên được trả thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
  - b) Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
  - c) Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

## **CHƯƠNG V - TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Điều 14. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.**

- 1. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
  - a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.
  - b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm: (i) Thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Tổng công ty; (ii) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty và (iii) các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
  - c) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
  - d) Quyết định thành lập các phòng chuyên môn nghiệp vụ, ban quản lý dự án đầu tư sau khi được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị;
  - e) Kiến nghị số lượng và Người điều hành doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt nhất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị; tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của Người điều hành doanh nghiệp;
  - f) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương, thưởng đối với các chức danh quản lý khác trong

Tổng công ty, trừ những Người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- g) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Tổng công ty kể cả chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- h) Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- i) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;
- j) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;
- k) Có trách nhiệm lập kế hoạch trình Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, đào tạo, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- l) Tuyển dụng người lao động;
- m) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- n) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Tổng công ty, các quyết định của Hội đồng quản trị và Pháp luật.

2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

**Điều 15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc.**

- 1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc;
  - a) Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
  - b) Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
    - (i) Có đủ năng lực hành vi và không thuộc những đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;
    - (ii) Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty;
    - (iii) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tổng công ty, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp khác tại Tổng công ty.

2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc.

3. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc: Tuân thủ theo Quy chế Tiền lương-Tiền thưởng và các quy chế nội bộ có liên quan của Tổng công ty.

## **CHƯƠNG VI - CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

### **Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.**

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc: Cách thức tổ chức tương tự như cuộc họp Hội đồng quản trị;

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát: Tất cả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều phải gửi cho Ban kiểm soát để giám sát thực hiện;

3. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc: Tất cả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều phải gửi cho Tổng giám đốc để thực hiện;

4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao: Hàng quý, trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi kết thúc quý trước, Tổng giám đốc có Báo cáo định kỳ quý báo cáo tất cả các mặt hoạt động của Tổng công ty gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc: Tại cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ hàng quý phải tổ chức kiểm điểm việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết Hội đồng quản trị quý trước.

6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

- a) Tổng Giám đốc là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành sản xuất của Tổng công ty là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- b) Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng Quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản;
- c) Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị;

- d) Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất;
  - e) Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng Quản trị sẽ ra nghị quyết bãi nhiệm Tổng Giám đốc.
7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:
- a) Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực công việc của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát. Thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin và phải trung thành, mẫn cán, thận trọng vì lợi ích của Tổng công ty và các cổ đông.
  - b) Các thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty; phụ trách các lĩnh vực, công việc theo sự phân công của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm cá nhân về công việc được phân công.

**Điều 17. Quy định về đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.**

- 1. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác:
  - a) Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.
  - b) Trưởng Ban kiểm soát chủ trì việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng Kiểm soát viên.
  - c) Tổng giám đốc tổ chức đánh giá Người điều hành doanh nghiệp khác trong Tổng công ty trên cơ sở căn cứ vào nhiệm vụ được phân công và kết quả hoạt động hàng năm của từng Người điều hành doanh nghiệp để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:
    - (i) Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
    - (ii) Hoàn thành nhiệm vụ;
    - (iii) Chưa hoàn thành nhiệm vụ.
- 2. Khen thưởng:
  - a) Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người điều hành doanh nghiệp; Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ như Mục c), Khoản 1, Điều này.

- b) Chế độ khen thưởng
    - (i) Bằng tiền;
    - (ii) Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người quản lý, người lao động (nếu có);
  - c) Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Tổng công ty.
  - d) Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.
3. Xử lý vi phạm và kỷ luật:
- a) Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức xử lý theo quy định của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
  - b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Tổng công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG VII - HIỆU LỰC THI HÀNH**

### **Điều 18. Điều khoản thi hành**

Quy chế này bao gồm bảy (07) Chương và mười chín (19) Điều đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 05 tháng 6 năm 2021. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Tổng công ty, Tổng công ty có thể trình Hội đồng quản trị họp xem xét, quyết định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 19. Hiệu lực**

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Quyết định ban hành.

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng công ty có trách nhiệm thi hành Quy chế này và phổ biến đến toàn thể cổ đông, người lao động trong Tổng công ty./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Hitoshi YAHAGI**

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**



**(Dự thảo)**

**QUY CHẾ  
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-TEDI ngày 05/6/2021  
của Hội đồng quản trị Tổng công ty TVTK GTVT - CTCP)*

**HÀ NỘI, THÁNG 6 NĂM 2021**

**MỤC LỤC**

<b>CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>1</b>
Điều 1. Giải thích từ ngữ và viết tắt .....	1
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	2
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị .....	2
<b>CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>2</b>
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị .....	2
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị .....	2
Điều 6. Số lượng thành viên, cơ cấu, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị .....	3
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	4
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị....	5
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	6
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
<b>CHƯƠNG III - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>7</b>
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	7
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch .....	9
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	9
Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. ....	10
<b>CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>11</b>
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	11
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	12
<b>CHƯƠNG V - BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....</b>	<b>13</b>
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm.....	13
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	13
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan.....	14
<b>CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>14</b>
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành.....	15
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát .....	15
<b>CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>15</b>
Điều 24. Điều khoản thi hành .....	15

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-TEDI, ngày ... tháng 6 năm 2021  
của Hội đồng quản trị Tổng công ty TVTK GTVT-CTCP)*

**CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Giải thích từ ngữ và viết tắt**

Trừ khi có ngữ cảnh quy định khác đi, các từ ngữ trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP này (“Quy Chế”) được hiểu như sau:

- a) “*Tổng công ty*” hay “*TEDI*” có nghĩa là Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP;
- b) “*Điều lệ*” có nghĩa là Điều lệ của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
- c) “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- d) “*Luật Chứng khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- e) “*Công ty con*” là công ty hạch toán độc lập do TEDI nắm giữ vốn góp chi phối (trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành) của công ty đó; hoặc nắm quyền chi phối thông qua quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc của công ty đó; hoặc quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó;
- f) “*Cổ đông*” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
- g) “*Cổ đông lớn*” là cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
- h) “*Thành viên HĐQT không điều hành*” là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những Người quản lý doanh nghiệp được HĐQT bổ nhiệm.
- i) “*Người điều hành doanh nghiệp*” hay “*Ban điều hành*” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- j) “*Người quản lý doanh nghiệp*” là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- k) “*Người có liên quan*” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Khoản 23, Điều 4 của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.



**Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

**CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các Công ty con, đơn vị phụ thuộc trong Tổng công ty.

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ và các nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;
- b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con và các tổ chức khác;
- d) Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

**Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và các Công ty con trong Tổng công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tổng công ty quy định.

**Điều 6. Số lượng thành viên, cơ cấu, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người trong đó có một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị và một (01) Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập

3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

**Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

**Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
- g) Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét. Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc được HĐQT phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn của họ.
- h) Là người chịu trách nhiệm chung mọi công việc của Hội đồng quản trị, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị
- i) Theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị giữa hai kỳ họp Hội đồng quản trị;
- j) Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định HĐQT và các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT. Các quyết định của HĐQT dựa trên nội dung của Biên bản họp đã được HĐQT thông qua hoặc có ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT.
- k) Có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của

HĐQT cho các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

- l) Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT.
- m) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật.
- n) Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của HĐQT.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị quyết định thành lập Tổ giúp việc Hội đồng quản trị thực hiện chức năng nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Tổ giúp việc Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

**Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị

và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

**Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

**CHƯƠNG III - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và

nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế

về công bố thông tin của Tổng công ty;

- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

**Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;
- c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

**Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;



- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

**2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

- 3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
  - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
  - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
  - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
  - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
  - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

**Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

**CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành doanh nghiệp;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong

thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Tổng công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Tùy theo tính chất từng cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mở rộng thêm thành phần mời dự họp. Thành viên được mời có quyền tham gia ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

**Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **CHƯƠNG V - BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 18. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

### **Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan**

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

**CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân

công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

**Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

**Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

**CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 24. Điều khoản thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP bao gồm bảy (07) Chương và hai mươi tư (24) Điều đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 05 tháng 6 năm 2021.

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Quyết định ban hành.

Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Tổng công ty, Tổng công ty có thể trình Hội đồng quản trị họp xem xét, quyết định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Hitoshi YAHAGI**

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**



**(Dự thảo)**

# **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-TEDI ngày 05/6/2021  
của Ban kiểm soát Tổng công ty TVTK GTVT - CTCP)*

**HÀ NỘI, THÁNG 6 NĂM 2021**

**MỤC LỤC**

<b>CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	<b>1</b>
Điều 1. Giải thích từ ngữ .....	1
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát .....	2
<b>CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT</b> .....	<b>2</b>
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	2
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	2
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát .....	3
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát .....	3
Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	4
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	4
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	5
<b>CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT</b> .....	<b>5</b>
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát .....	5
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát .....	7
Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	7
<b>CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT</b> .....	<b>8</b>
Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	8
Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát .....	8
<b>CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH</b> .....	<b>8</b>
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm .....	8
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác.....	9
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	9
<b>CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT</b> .....	<b>10</b>
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát .....	10
Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành.....	10
Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	10
<b>CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b> .....	<b>10</b>
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	10



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
CỦA TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-TEDI ngày ... tháng ... năm 2021 của  
Ban kiểm soát Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải-CTCP)*

**CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Giải thích từ ngữ**

Trừ khi có ngữ cảnh quy định khác đi, các từ ngữ trong Quy nội bộ hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP này (“Quy Chế”) được hiểu như sau:

- a) “*Tổng công ty*” hay “*TEDI*” có nghĩa là Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP;
- b) “*Điều lệ*” có nghĩa là Điều lệ của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
- c) “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- d) “*Luật Chứng khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- e) “*Công ty con*” là công ty hạch toán độc lập do TEDI nắm giữ vốn góp chi phối (trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành) của công ty đó; hoặc nắm quyền chi phối thông qua quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc của công ty đó; hoặc quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó;
- f) “*Cổ đông*”: là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
- g) “*Cổ đông lớn*” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- h) “*Thành viên HĐQT không điều hành*” là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những Người quản lý doanh nghiệp được HĐQT bổ nhiệm.
- i) “*Người điều hành doanh nghiệp*” hay “*Ban điều hành*” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- j) “*Người quản lý doanh nghiệp*” là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- k) “*Người có liên quan*”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Khoản 23, Điều 4 của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

**Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

**Điều 3. Nguyên tắc và cơ chế hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc đồng thuận. Các nội dung thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát chỉ được thông qua khi có 100% thành viên Ban kiểm soát tán thành. Các thành viên của Ban kiểm soát có quyền bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

**CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

**Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm

soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

**Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
  - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
  - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
  - d) Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;
  - e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
  - f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;
  - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.
2. .

**Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Tổng công ty quy định.

**Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
  - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên

mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty và Quy Chế này. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

**Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 6 của Quy Chế này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- e) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

**CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc

theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

9. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

10. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.

12. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

13. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 14 của Quy Chế này..

14. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

15. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

16. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

17. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

18. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

19. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

20. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục

hậu quả.

21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

22. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

23. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

24. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

**Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

## **CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

### **Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

## **CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

### **Điều 17. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.



7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

**Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

**Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành

viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

### **Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

### **Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Trưởng ban kiểm soát ký Quyết định ban hành.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Phạm Thị Hồng Nhung**